

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA BỘ TƯ PHÁP..4

I. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025.....	4
1. Khái quát kế hoạch.....	4
2. Mục tiêu, nhiệm vụ.....	6
3. Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn Giai đoạn 2021-2025	7
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI	8
1. Nhiệm vụ Hoàn thiện thể chế nội bộ liên quan đến quản lý đầu tư công.....	9
2. Nhiệm vụ Tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và thực hiện dự án	12
3. Nhiệm vụ Đánh giá, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	17
4. Nhiệm vụ Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện.....	18
5. Nhiệm vụ Thanh tra, kiểm toán.....	19
6. Nhiệm vụ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện	19
* Đánh giá chung.....	20
III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ, TỒN TẠI; NGUYÊN NHÂN; GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI	21
1. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, tồn tại	21
2. Nguyên nhân.....	23
3. Giải pháp thực hiện trong những năm cuối giai đoạn 2021-2025	27
IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM	30
V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	31
VI. PHẦN PHỤ BIỂU ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ 1	31
BIỂU TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP HOÀN THÀNH SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA BỘ TƯ PHÁP (TÍNH ĐẾN 30/6/2024).....	32
BIỂU TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 THUỘC BỘ TƯ PHÁP (TÍNH ĐẾN 30/6/2024).....	52
CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030	60
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026-2030 .	60
II. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG.....	60
III. NGUYÊN TẮC LẬP KẾ HOẠCH ĐTC TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 .	61
IV. THỨ TỰ ƯU TIÊN BỐ TRÍ VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030	62
V. NỘI DUNG CHÍNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030	62
1. Mục đích.....	62
2. Yêu cầu.....	62
3. Nhiệm vụ tổng thể	63
4. Nhiệm vụ cụ thể	64
VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ RÀ SOÁT THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY	71

1 Đối với Cục THADS địa phương là Chủ đầu tư dự án giai đoạn 2021-2025	71
2 Đối với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự địa phương	71
VII. SƠ BỘ KẾT QUẢ RÀ SOÁT THỰC TRẠNG CƠ QUAN THADS	74
1. Về Trụ sở làm việc	74
2. Về Kho vật chứng	74
VIII. ĐỀ XUẤT NHU CẦU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030	75
1. Dự kiến khối lượng chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 ..	75
2. Sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương	76
3. Kết quả rà soát sơ bộ nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất các cơ quan THADS địa phương giai đoạn 2026-2030	79
4. Một số lưu ý, định hướng trong quá trình xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	79
5. Các yêu cầu cơ bản về địa điểm dự kiến xây dựng mới cơ quan THADS	80
6. Hướng dẫn xác định Quy mô đầu tư	81
7. Hướng dẫn xác định sơ bộ Tổng mức đầu tư	84
IX. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CÔNG TÁC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030	88
1. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	88
2. Hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư	88
3. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	89
CHUYÊN ĐỀ 3: HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG SỬ DỤNG DO BỘ TƯ PHÁP QUẢN LÝ	90
I. TRÌNH TỰ TỔNG THỂ	91
1. Giai đoạn chuẩn bị dự án	91
2. Giai đoạn thực hiện dự án	92
3. Giai đoạn kết thúc xây dựng	92
II. TRÌNH TỰ CỤ THỂ	93
1. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án	93
2. Thông báo triển khai dự án	94
3. Giao nhiệm vụ đầu mối triển khai dự án	95
4. Đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách; mở tài khoản dự án	95
5. Lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án	95
6. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng để thực hiện	97
7. Khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị dự án	97
8. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	98
9. Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	102
10. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	102
11. Lựa chọn tổ chức quản lý dự án	104
12. Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng (nếu có); giao đất, cấp đất	105

13. Khảo sát xây dựng giai đoạn thực hiện dự án	105
14. Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thiết kế 2 bước)	105
15. Quản lý hoạt động đấu thầu giai đoạn thực hiện dự án	109
16. Soạn thảo, ký kết và quản lý các hợp đồng (tư vấn, xây lắp, khác)	111
17. Chuẩn bị và thi công xây dựng công trình	112
18. Quản lý thi công xây dựng	113
19. Giám sát và đánh giá đầu tư	114
20. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng	115
21. Bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng	115
22. Bảo hành công trình xây dựng	115
23. Quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng	116
24. Lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành	116
25. Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.....	117
26. Trình và thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.....	117
27. Giải quyết công nợ và tất toán tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.....	117
PHẦN PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ III	119
I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	119
1. Pháp luật về xây dựng	119
2. Pháp luật về đầu tư công	119
3. Pháp luật về đấu thầu.....	120
4. Pháp luật về PCCC	120
5. Pháp luật về bảo vệ môi trường.....	120
6. Pháp luật về đất đai	121
7. Pháp luật về quy hoạch, kiến trúc.....	121
8. Pháp luật về thanh, quyết toán, bảo hiểm.....	122
9. Quy định về kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính.....	122
10. Quy định của Bộ Tư pháp	122
II. DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU THAM KHẢO	123
Mẫu số 01/TTTT: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, C).....	124
Mẫu số 02/TTTT: Tờ trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.....	126
Mẫu số 03:/TTTT : Quyết định thành lập Tổ công tác	128
Mẫu số 04:/TTTT: Mẫu Tờ trình phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư.....	131
Mẫu số 05:/TTTT: Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư.....	135
Mẫu số 06/TTTT: Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	137
Mẫu số 07/TTTT: Mẫu Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	144
Mẫu số 08/TTTT: Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	149
Mẫu số 09/TTTT: Mẫu Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng	151
Mẫu số 10/TTTT: Biên bản bàn giao đưa công trình, dự án hoàn thành vào khai thác sử dụng	153

CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA BỘ TƯ PHÁP

Triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021, căn cứ kết quả triển khai thực hiện từ năm 2021 đến nay, Bộ Tư pháp tổng kết đánh giá Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo các nội dung như sau:

I. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Khái quát kế hoạch

Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 với tổng số vốn ngân sách nhà nước giao là **3.580.500** triệu đồng và giao bổ sung tại Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 cho 01 dự án công nghệ thông tin (dự án Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý) với số vốn là **99.000** triệu đồng. Phân chia theo các nội dung như sau:

1.1 Theo ngành, lĩnh vực sử dụng vốn, bao gồm:

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn	Số tiền (tr.đ)
1	Công nghệ thông tin	349.000
2	Kho tàng	43.281
3	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	885.163
4	Quản lý nhà nước	2.402.056
	Tổng cộng	3.679.500

1.2 Theo danh mục bố trí vốn và tiến độ triển khai

TT	Danh mục, số lượng dự án	Số lượng	Số tiền (tr.đ)
1	Dự án chuyển tiếp	139	1.344.551
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	45	2.334.949
	Tổng cộng	184	3.679.500

1.3 Phân theo nhóm, loại dự án

TT	Danh mục, số lượng dự án	Số lượng	Số tiền (tr.đ)
1	Dự án công nghệ thông tin	6	349.000
2	Dự án đầu tư xây dựng	178	3.330.500
	Tổng cộng	184	3.679.500

1.4 Phân các dự án mở mới theo năm khởi công

TT	Số lượng dự án khởi công mới theo năm	Số lượng	Số tiền (tr.đ)
1	Năm 2021	2	148.400
2	Năm 2022	22	1.307.206
3	Năm 2023	12	549.303
4	Năm 2024	7	303.960
5	Năm 2025	2	26.080
	Tổng cộng	45	2.334.949

1.5 Phân chia danh mục dự án theo thẩm quyền quyết định đầu tư và đầu mối tham mưu, quản lý

TT	Nội dung	Số lượng
1	Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng (do Cục Kế hoạch - Tài chính tham mưu quản lý)	51
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020</i>	<i>31</i>
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>20</i>
2	Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tổng Cục trưởng TCTHADS (do Vụ Kế hoạch Tài chính tham mưu quản lý)	133
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020</i>	<i>108</i>
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>25</i>
	Tổng cộng	184

2. Mục tiêu, nhiệm vụ

Theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao, mục tiêu, nhiệm vụ Bộ ngành Tư pháp phải triển khai thực hiện:

2.1 Mục tiêu, nhiệm vụ về thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn

Theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, Bộ Tư pháp tổ chức triển khai và giải ngân 100% tổng số kế hoạch vốn là 3.679.500 triệu đồng.

2.2 Mục tiêu, nhiệm vụ triển khai các dự án

a) Đối với các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025

Hoàn thành việc triển khai thực hiện, đưa dự án vào khai thác, sử dụng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: 139 dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

b) Đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025

- Nhóm 06 dự án công nghệ thông tin

+ Đến hết năm 2025 triển khai mở mới và hoàn thành 05 dự án công nghệ thông tin thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

+ Đến hết năm 2025 triển khai mở mới và chuyển tiếp 01 dự án công nghệ thông tin được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung năm 2023¹.

- Nhóm dự án xây dựng trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

Đến hết năm 2025 triển khai mở mới và hoàn thành 03 dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Nhóm 36 dự án xây dựng trụ sở các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (tương ứng 131 công trình được triển khai)

+ Đến hết năm 2025 triển khai mở mới và hoàn thành 23 dự án xây dựng trụ sở các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (tương ứng với 85 công trình của các dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2021, 2022, 2023).

+ Đến hết năm 2025 triển khai mở mới và chuyển tiếp 13 dự án xây dựng trụ sở các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (tương ứng với tổng cộng 46 công trình của 08 dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2024, 2025 và 05 dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2023 có thời gian thực hiện kéo dài sang năm 2026).

¹ Dự án Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý

3. Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn Giai đoạn 2021-2025

2.1 Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao và các quy định hiện hành của pháp luật, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/10/2021 trên cơ sở tập trung thực hiện 06 nhóm nhiệm vụ chính, đồng thời được xem như 06 nhóm giải pháp cụ thể để triển khai nhiệm vụ mục tiêu được Chính phủ giao. Cụ thể như sau:

- Nhóm nhiệm vụ 1: Hoàn thiện thể chế (*thể chế nội bộ thuộc Bộ Tư pháp*) liên quan đến quản lý đầu tư công của Bộ.

- Nhóm nhiệm vụ 2: Tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn và thực hiện dự án.

- Nhóm nhiệm vụ 3: Đánh giá, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Nhóm nhiệm vụ 4: Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện.

- Nhóm nhiệm vụ 5: Công tác thanh tra, kiểm toán.

- Nhóm nhiệm vụ 6: Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, các tổ chức trong quá trình thực hiện.

(Chi tiết các nhóm nhiệm vụ xem tại Quyết định số 1511/QĐ-BTP đính kèm)

2.2 Về chi tiết kế hoạch triển khai thực hiện các dự án như sau:

STT	Năm	Hoàn thành và phê duyệt quyết toán dự án chuyển tiếp	Khởi công mới dự án theo kế hoạch
1	Năm 2021	50	2
2	Năm 2022	33	22
3	Năm 2023	48	12
4	Năm 2024	8	7
5	Năm 2025		2
	Tổng cộng	139	45

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Bộ Tư pháp tổ chức xây dựng, đề xuất nhu cầu bắt đầu từ cuối năm 2019 đến nửa đầu năm 2020; được Thủ tướng Chính phủ thông báo tổng số vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tháng 4/2021; được Quốc hội thông qua tháng 7/2021 và được Thủ tướng Chính phủ giao tại **Quyết định số 1535/QĐ-TTg đến ngày 15/9/2021**.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được triển khai trong bối cảnh rất đặc thù:

- Trên thế giới nhiều khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, xuất hiện nhiều yếu tố mới, nằm ngoài dự báo so với thời điểm xây dựng Kế hoạch trung hạn 2021-2025, đặc biệt là tình hình dịch bệnh phức tạp ở một số quốc gia ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội và liên quan đến xung đột quân sự tại Nga - Ucraina; các rủi ro vĩ mô gia tăng, lạm phát tăng cao tại nhiều nước, điều chỉnh thắt chặt chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn, nguy cơ rủi ro ăn nhin năng lượng, an ninh lương thực,...

- Ở trong nước nhiều điểm nóng về dịch bệnh Covid-19 bùng phát, cả nước thực hiện nhiều đợt giãn cách xã hội, các hoạt động xã hội hầu như tạm dừng tại một số đỉnh điểm trong quãng thời gian từ cuối năm 2019 đến khoảng giữa năm 2022. Việc đi lại hết sức khó khăn, nhiều nơi, nhiều địa bàn các công trình xây dựng phải thực hiện dừng triển khai thực hiện. Do ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh và các yếu tố ngoại cảnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 của Việt Nam đạt thấp, hoạt động đầu tư công chịu ảnh hưởng bởi việc tăng giá nguyên nhiên vật liệu, giá xăng dầu, nhiều công trình hoạt động cầm chừng.

- Đối với Bộ ngành Tư pháp, trong giai đoạn vừa qua bên cạnh các nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ, từ bối cảnh thực tiễn của xã hội, Bộ ngành Tư pháp được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung rất nhiều nhiệm vụ về pháp lý, kiểm tra, rà soát các quy định pháp luật, đóng góp ý kiến, thực hiện phối hợp...; các cơ quan THADS địa phương với khối lượng công việc ngày càng tăng, phát sinh rất nhiều nhiệm vụ liên quan đến các vụ án kinh tế lớn, các phát sinh từ hệ lụy dịch bệnh Covid 19,....

Trong bối cảnh thực tiễn như trên, việc thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư dự án đầu tư công đối với các cơ quan, đơn vị đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan THADS địa phương trở nên nặng nề và áp lực hơn.

Trong giai đoạn 2021-2025, Bộ ngành Tư pháp triển khai công tác đầu tư công với rất nhiều những thay đổi trong cách thức triển khai, trong đó có việc triển khai các dự án xây dựng trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự theo phương thức gộp các công trình theo địa bản tỉnh, liên tỉnh và việc triển khai nhiều dự án công nghệ thông tin trong bối cảnh yêu cầu về chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ.

Khối lượng các dự án khởi công mới lớn và về cơ bản phải hoàn thành trong kỳ trung hạn giai đoạn 2021-2025 (chuyển tiếp không quá 20% tổng số vốn). Tuy nhiên, công tác chuẩn bị dự án năm 2021 hầu như không thực hiện được do phải đến tháng 7 năm 2021 Quốc hội mới thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và đến 15/9/2021 Thủ tướng Chính phủ mới giao làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện.

1. Nhiệm vụ Hoàn thiện thể chế nội bộ liên quan đến quản lý đầu tư công

1.1. Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp

- Bộ Tư pháp đã xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/10/2021.

- Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức Hội nghị trực tuyến để phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vào ngày 11/11/2021.

1.2. Xây dựng và ban hành Văn bản của Bộ trưởng về nhiệm vụ triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

- Bộ trưởng đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 15/3/2022 về nhiệm vụ triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Bộ trưởng đã có Văn bản số 762/BTP-KHTC ngày 15/3/2022 gửi đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc phối hợp, quan tâm, tạo điều kiện cho các cơ quan THADS địa phương để xây dựng trụ sở, kho vật chứng.

1.3. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý trong lĩnh vực đầu tư công:

Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp. Theo

đó, đã xác định rõ nội dung, phạm vi phân cấp, ủy quyền trong công tác quản lý đầu tư công thuộc Bộ Tư pháp.

1.4. Xây dựng và ban hành quy định trình tự và thủ tục trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Bộ Tư pháp quản lý:

Tháng 10/2022 Cục Kế hoạch - Tài chính đã hoàn thành việc xây dựng dự thảo quy định, trình Lãnh đạo Bộ và lấy ý kiến 02 đơn vị xây dựng pháp luật đối với nội dung dự thảo theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ (*Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế*). Do còn có các ý kiến khác nhau về hình thức ban hành Văn bản, đồng thời, tại thời điểm này, một số văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành đang trong quá trình hoàn thiện dự thảo, chuẩn bị ban hành để sửa đổi bổ sung hoặc thay thế một số các quy định có liên quan trong lĩnh vực đầu tư công, nên Lãnh đạo Bộ đã có chỉ đạo chuyển thể từ dạng ban hành theo Quyết định sang hình thức Văn bản hướng dẫn sau khi cập nhật thêm các quy định mới. Tuy chưa được ban hành chính thức bằng văn bản của Bộ, nhưng các nội dung hướng dẫn về trình tự, thủ tục trong đầu tư xây dựng đã được Cục Kế hoạch - Tài chính thể hiện đầy đủ, chi tiết tại *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức về đầu tư công năm 2022* và phổ biến đến toàn thể các cơ quan, đơn vị tham dự lớp bồi dưỡng.

Hiện tại, Cục đã hoàn thiện nội dung hướng dẫn theo hướng tập trung vào trình tự các bước quản lý dự án đầu tư công và dẫn chiếu các quy định cụ thể về thủ tục pháp lý tại các văn bản quy phạm hiện hành, để chủ đầu tư thuận tiện theo dõi, tra cứu và giám sát các tổ chức cá nhân tham gia dự án. Toàn bộ nội dung hướng dẫn đã được đưa vào *Tài liệu bồi dưỡng năm 2024*. (Dự kiến, Cục sẽ tham mưu ban hành trong tháng 8/2024).

1.5 Xây dựng tài liệu hướng dẫn về quy mô đầu tư xây dựng công trình thuộc Bộ Tư pháp quản lý:

Bộ Tư pháp đã ban hành *Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20/01/2020 quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu cơ bản đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương*. Xuất phát từ một số vướng mắc liên quan đến nhu cầu diện tích đất, thẩm quyền xem xét quy mô diện tích sử dụng chung (trong phạm vi nhỏ hơn 10% định mức tăng thêm theo quy định) và một số nội dung liên

quan đến công tác thiết kế... hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 96/QĐ-BTP nhằm đảm bảo thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện.

1.6 Xây dựng, ban hành thiết kế sơ bộ nhằm định hướng thiết kế kiến trúc, nhận diện cơ quan Thi hành án dân sự địa phương

Năm 2022, Cục đã cơ bản hoàn thiện phương án thiết kế sơ bộ nhằm định hướng thiết kế kiến trúc, nhận diện trụ sở cơ quan THADS cấp huyện; phối hợp Tổng cục THADS báo cáo Lãnh đạo Bộ và áp dụng thí điểm tại một số công trình thuộc Dự án Lãnh đạo Bộ quyết định đầu tư. Tại lớp *Bồi dưỡng kiến thức về đầu tư công năm 2022*, Cục cũng đã giới thiệu nội dung này trong khuôn khổ nội dung trình bày.

Thời gian tới, sau khi các công trình thí điểm hoàn thành đưa vào sử dụng, Cục sẽ tiếp tục đánh giá một cách toàn diện về hiệu quả áp dụng (*trên các mặt thẩm mỹ kiến trúc, phù hợp về công năng sử dụng và trong khuôn khổ suất đầu tư được áp dụng*) để hoàn thiện phương án thiết kế, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

1.7 Xây dựng các văn bản hướng dẫn triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm:

Với vai trò giúp Bộ trưởng tham mưu, quản lý về công tác đầu tư công, Cục Kế hoạch - Tài chính đã tham mưu ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm và các văn bản quán triệt, chỉ đạo điều hành thúc đẩy việc triển khai và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

1.8 Xây dựng phần mềm phục vụ quản lý đầu tư công:

Năm 2022, Cục Kế hoạch - Tài chính đã phối hợp với Cục Công nghệ thông tin để xây dựng Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư công thuộc Bộ Tư pháp và giới thiệu khái quát tại Hội nghị tập huấn công tác đầu tư công năm 2022. Trong quá trình hoàn thiện phần mềm và thí điểm nhập dữ liệu, do phát sinh nhiều nội dung liên quan gắn với yêu cầu quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, đến nay, Hệ thống này vẫn đang được Cục Công nghệ thông tin cùng các đơn vị tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện.

2. Nhiệm vụ Tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và thực hiện dự án

2.1. Kết quả triển khai về thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn

a) Kết quả triển khai hàng năm:

- Năm 2021: Tổng số kế hoạch vốn NSNN được giao là 319.900 triệu đồng; Tổng số vốn đã phân bổ và giao chi tiết cho các dự án là 319.900 triệu đồng (*qua 03 lần phân bổ chi tiết đạt 100%*); Tổng số vốn giải ngân đạt 250.583 triệu đồng (*đạt tỷ lệ 78.3% tổng số kế hoạch vốn giao*); Tổng số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 và đã giải ngân là 69.277 triệu đồng (*21,7% kế hoạch vốn năm 2021*); Số kế hoạch vốn bị hủy dự toán: 0 triệu đồng

- Năm 2022: Tổng số kế hoạch vốn NSNN được giao là 1.084.800 triệu đồng; Tổng số vốn đã phân bổ và giao chi tiết cho các dự án là 520.075 triệu đồng (*qua 03 lần phân bổ chi tiết đạt 47,9%*), số kế hoạch vốn đến 28/6/2022 không phân bổ chi tiết được cho các dự án Bộ Tư pháp phải đề nghị trả lại là: 564.725 triệu đồng; Tổng số vốn giải ngân 112.279 triệu đồng (*đạt tỷ lệ 21.6% tổng số kế hoạch vốn phân bổ*); Số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 và đã giải ngân được 11.911 triệu đồng (*2,3%*); Số kế hoạch vốn bị hủy dự toán: 395.885 triệu đồng (*tương ứng 76,1%*).

- Năm 2023: Tổng số kế hoạch vốn NSNN được giao là 555.530 triệu đồng; Tổng số vốn đã phân bổ và giao chi tiết cho các dự án là 555.530 triệu đồng (*qua 03 lần phân bổ chi tiết đạt 100%*); Tổng số vốn giải ngân trong năm 2023 đạt 444.648 triệu đồng (*đạt tỷ lệ 80% tổng số kế hoạch vốn phân bổ*); Số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024: Không có; Số kế hoạch vốn bị hủy dự toán: 110.882 triệu đồng (*tương ứng 20%*).

- Năm 2024: Tổng số kế hoạch vốn NSNN được giao là 582.640 triệu đồng; Tổng số vốn đã phân bổ và giao chi tiết cho các dự án là 582.640 triệu đồng (*phân bổ chi tiết 01 lần trước 31/12/2023 đạt 100%*); Tính đến 30/6/2024, tổng số vốn mới được giải ngân đạt **14% tổng số kế hoạch vốn giao, thấp hơn tỷ lệ giải ngân bình quân của cả nước theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội nghị của Chính phủ với bộ ngành trung ương và địa phương ngày 17/7/2024 là 29,39%**);

- Năm 2025: Trên cơ sở tình hình triển khai Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và khả năng triển khai các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai

đoạn 2021-2025 trong năm 2025, Bộ Tư pháp đã đề xuất nhu cầu vốn năm 2025 là 770.100 triệu đồng.

2.2 Kết quả dự kiến giai đoạn 2021-2025

Từ kết quả triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước qua 03 năm (2021-2023) và dự kiến kết quả triển khai thực hiện năm 2024, 2025, tính đến hết năm 2025, trên cơ sở tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 3.679.500 triệu đồng, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

a) Tính đến hết năm 2024

- Tổng số kế hoạch vốn hàng năm Bộ Tư pháp đã giao chi tiết cho các dự án là: **1.978.145 triệu đồng;**

- Tổng số kế hoạch vốn các dự án đã giải ngân (*giả thiết năm 2024 Bộ ngành Tư pháp giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao*) là: **1.471.338 triệu đồng;**

- Tổng số kế hoạch vốn không giải ngân được bị hủy dự toán là: **506.807 triệu đồng;**

b) Tính đến hết năm 2025

Giả thiết Chính phủ cấp cho Bộ Tư pháp theo nhu cầu đề xuất năm 2025 là 770.100 triệu đồng và giải ngân hết 100%, dự kiến giai đoạn 2021-2025, Bộ Tư pháp giải ngân đạt 2.241.438 triệu đồng (**đạt tỷ lệ 60,9% tổng số vốn trung hạn được giao**).

2.3 Kết quả triển khai các dự án (tính đến 30/6/2024)

Phân chia theo tình trạng triển khai dự án

a) Các dự án chuyển tiếp: Trong số 139 dự án chuyển tiếp theo kế hoạch, đã thực hiện:

- Đã quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: 60 dự án;

- Số dự án đến hạn nhưng chưa được phê duyệt quyết toán: 72 dự án;

- Số dự án do các lý do khác nhau đã được Thủ tướng Chính phủ kéo dài đến hết năm 2024: 04 dự án;

- Số dự án được Thủ tướng Chính phủ kéo dài đến hết năm 2025 (dự án nhóm A - Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội): 01 dự án;

- Số dự án dừng triển khai thực hiện: 02 dự án.

So sánh kết quả triển khai các dự án chuyển tiếp so với kế hoạch

STT	Năm	Hoàn thành và quyết toán dự án theo kế hoạch	Số liệu quyết toán thực tế (tính đến 30/6/2024)
1	Năm 2021	50	07
2	Năm 2022	33	26
3	Năm 2023	48	20
4	Năm 2024	8	7
5	Năm 2025		
	Tổng cộng	139	60

b) Các dự án khởi công mới: Trong số **45 dự án** khởi công mới theo kế hoạch, đã thực hiện:

- Số dự án đã có quyết định đầu tư: **19 dự án**, trong đó:

+ Dự án đã thi công xong: 03 dự án;

+ Dự án đang thực hiện việc thi công xây dựng: 06 dự án;

+ Dự án chuẩn bị khởi công năm 2024: 10 dự án;

- Số dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư, chưa có quyết định đầu tư: **24 dự án**;

- Số dự án dừng triển khai thực hiện: **02 dự án**.

So sánh kết quả triển khai các dự án khởi công mới so với kế hoạch

STT	Năm	Khởi công mới theo kế hoạch	Kết quả phê duyệt dự án, quyết định đầu tư (tính đến 30/6/2024)
1	Năm 2021	2	0
2	Năm 2022	22	2
3	Năm 2023	12	7
4	Năm 2024	7	10
5	Năm 2025	2	
	Tổng cộng	45	19

Phân chia theo cấp quyết định đầu tư

a) Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng

- Dự án chuyển tiếp: 31 dự án (trên tổng số 139 dự án chuyển tiếp theo kế hoạch), đã thực hiện:

+ Đã phê duyệt quyết toán: 16 dự án;

+ Chưa phê duyệt quyết toán: 14 dự án (trong đó, có 09 hồ sơ đã trình, đã thẩm tra nhưng còn vướng mắc chưa quyết toán được; 05 dự án chủ đầu tư chưa trình hồ sơ quyết toán);

+ Dự án đang triển khai thực hiện: 01 dự án (Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh);

- Dự án khởi công mới: 20 dự án (trên tổng số 45 dự án)

+ Đã có quyết định đầu tư: 13 dự án (03 dự án đã thi công xong; 01 dự án đang thi công; 09 dự án khởi công năm 2024);

+ Chưa có quyết định đầu tư: 06 dự án (03 dự án công nghệ thông tin; 03 dự án đầu tư xây dựng);

+ Dừng triển khai thực hiện: 01 dự án.

b) Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tổng Cục trưởng

- Dự án chuyển tiếp: 108 dự án (trên tổng số 139 dự án chuyển tiếp theo kế hoạch), đã thực hiện.

+ Đã phê duyệt quyết toán: 44 dự án;

+ Chưa phê duyệt quyết toán: 58 dự án (trong đó, có 46 hồ sơ đã trình quyết toán; 12 dự án chưa trình hồ sơ quyết toán);

+ Dự án đang triển khai thực hiện: 04 dự án;

+ Dừng triển khai thực hiện: 02 dự án².

- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 25 dự án (trên tổng số 45 dự án), đã thực hiện:

+ Đã có quyết định đầu tư: 6 dự án (05 dự án đang thi công; 01 dự án khởi công năm 2024);

+ Chưa có quyết định đầu tư: 18 dự án;

+ Dừng triển khai thực hiện: 01 dự án³.

² Dự án Chi cục THADS huyện Trà Bồng; Dự án Cụm kho Đồng Nai

Phân chia theo nhóm dự án khởi công mới

- Dự án công nghệ thông tin: 06 dự án (*trên tổng số 45 dự án theo kế hoạch*). Đã thực hiện:

+ Dự án triển khai đã hoàn đưa vào sử dụng: 01/6 dự án (Đầu tư hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp);

+ Dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và khởi công năm 2024: 01/6 dự án (Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch);

+ Dự án chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư: 03/6 dự án (Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; Hệ thống thông tin phổ biến giáo dục pháp luật; Hệ thống thông tin về trợ giúp pháp lý)

+ Dự án dừng triển khai thực hiện: 01/6 dự án (dự án Hệ thống giao ban trực tuyến các cơ quan THADS).

- Dự án xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa trụ sở các đơn vị thuộc Bộ: 03 dự án (*trong tổng số 45 dự án theo kế hoạch*) đã thực hiện:

+ Dự án triển khai đã hoàn đưa vào sử dụng: 01/3 dự án (cải tạo, sửa chữa trụ sở Bộ Tư pháp tại số 60 Trần Phú);

+ Dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và khởi công năm 2024: 01/3 dự án (Trụ sở Cục Trợ giúp pháp lý);

+ Dự án đã dừng triển khai thực hiện do thay đổi chủ trương: 01/3 dự án;

- Dự án xây dựng trụ sở các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương: 36 dự án (*trên tổng số 45 dự án theo kế hoạch*), đã thực hiện:

+ Dự án đã thi công xong: 01/36 dự án;

+ Dự án đang thi công xây dựng: 06/36 dự án;

+ Dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và khởi công năm 2024: 09/36 dự án;

+ Dự án vẫn chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư: 20/36 dự án;

2.4 Dự kiến kết quả triển khai đến hết năm 2025

Từ kết quả triển khai các dự án đến hết 30/6/2024 và khả năng triển khai thực hiện các dự án, dự kiến đến hết năm 2025 kết quả triển khai các dự án như sau:

- Hoàn thành đưa vào sử dụng toàn bộ các dự án chuyển tiếp (ngoại trừ 02 dự án dừng triển khai thực hiện);

³ Dự án CNTT: Giao ban truyền hình trực tuyến của Tổng cục THADS.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng 02 dự án⁴ ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoàn thành 02 dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở Bộ Tư pháp tại số 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội;
- Hoàn thành đưa vào sử dụng 09 dự án⁵ xây dựng trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025.

3. Nhiệm vụ Đánh giá, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

3.1. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

Thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến công tác quản lý đầu tư công, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Vụ Tổ chức cán bộ để rà soát, đánh giá, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

- Về phía Cục Kế hoạch - Tài chính: Trên cơ sở yêu cầu công việc, Cục Kế hoạch - Tài chính đã tuyển dụng mới 03 công chức để thực hiện nhiệm vụ chuyên trách quản lý trong lĩnh vực đầu tư công qua thi tuyển công chức của Bộ Tư pháp năm 2023, bổ sung đủ biên chế cho Phòng Quản lý đầu tư (*nâng tổng số lên 08 biên chế*). Đồng thời, trong năm 2023, Cục cũng đã kiện toàn vị trí Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đầu tư nhằm đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ chính trị được giao.

- Về phía Tổng cục Thi hành án dân sự: Giai đoạn 2021 đến nay, Tổng cục đã tuyển dụng bổ sung 04 công chức về Vụ Kế hoạch - Tài chính để thực hiện nhiệm vụ chuyên trách quản lý trong lĩnh vực đầu tư công, theo phân cấp của Bộ (*nâng tổng số lên có 06 biên chế*) nhằm đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ chính trị được giao.

- Về phía các đơn vị được giao là chủ đầu tư dự án: Hầu hết các đơn vị không có cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ trực tiếp về lĩnh vực đầu tư công. Tại Cục THADS thành phố Hà Nội, năm 2022 được sắp xếp 01 công chức có chuyên môn về công tác quản lý đầu tư công từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản tập trung thuộc Cục Kế hoạch - Tài chính. Tuy nhiên, do phải

⁴ Dự án Đầu tư hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp và dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch.

⁵ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn các tỉnh: Bến Tre; Long An; Nghệ An; Thừa Thiên Huế - Quảng Trị; Tây Ninh; Đà Nẵng - Quảng Nam; Phú Thọ - Vĩnh Phúc; Hà Tĩnh - Quảng Bình; Kiên Giang;

thực hiện Đề án giải thể Ban Quản lý dự án nên sau khi sắp xếp Bộ đã thực hiện việc biệt phái công chức trở lại Ban Quản lý dự án để thực hiện Đề án giải thể.

3.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

Từ năm 2021 đến nay, định kỳ khoảng 02 năm/01 lần, Cục Kế hoạch - Tài chính tham mưu Lãnh đạo Bộ tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu cho các chủ đầu tư dự án để cập nhật kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm: Các công chức tham mưu, quản lý của Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ Kế hoạch - Tài chính của Tổng cục Thi hành án dân sự hàng năm theo nhu cầu cụ thể đều được cử tham dự một số lớp đào tạo để đảm bảo yêu cầu công việc theo vị trí việc làm.

4. Nhiệm vụ Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện

Công tác hướng dẫn triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và hướng dẫn triển khai thực hiện đối với từng dự án cụ thể đã được Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ tăng cường hướng dẫn, đôn đốc thực hiện. Bên cạnh việc hướng dẫn chung bằng văn bản và các hướng dẫn cụ thể đối với từng dự án, các cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (*Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ Kế hoạch - Tài chính của Tổng cục Thi hành án dân sự*) cũng đã tổ chức nhiều buổi làm việc trực tiếp với chủ đầu tư dự án để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thúc đẩy việc triển khai.

Đối với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư căn cứ theo chức năng nhiệm vụ và yêu cầu quản lý, Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự hàng năm đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định. Chế độ báo cáo giám sát đánh giá đầu tư hàng năm được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

Đối với việc kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên: Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện giám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự đảng giai đoạn 2019-2022 (*giám sát định kỳ*) đối với một số lĩnh vực công tác của Bộ, trong đó có nội dung giám sát về công tác quản lý đầu tư công. Trên cơ sở Thông báo kết quả giám sát công tác quản lý đầu tư công, Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ, Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi

hành án dân sự và các đơn vị liên quan trong thời gian qua đã nghiêm túc triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện các kết luận của cơ quan giám sát.

Triển khai thực hiện kết luận giám sát, ngày 26/6/2024, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 3559/BTP-KHTC về việc tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư dự án đầu tư công của chủ đầu tư dự án. Theo đó, bên cạnh nội dung giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định, Bộ yêu cầu các chủ đầu tư dự án cần tăng cường công tác tự kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật có liên quan của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng ký kết để thực hiện các gói thầu của dự án.

5. Nhiệm vụ Thanh tra, kiểm toán

Công tác thanh tra, kiểm toán trong lĩnh vực đầu tư công trong giai đoạn 2021 đến nay tiếp tục được Bộ Tư pháp quan tâm, tăng cường thực hiện.

- Đối với Kiểm toán nhà nước: Hàng năm, trong công tác xây dựng kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, Bộ Tư pháp đều phối hợp chặt chẽ, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình triển khai các dự án thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu để xây dựng kế hoạch. Trên cơ sở Kế hoạch kiểm toán hàng năm được phê duyệt, Kiểm toán nhà nước sẽ thực hiện kiểm toán Bộ Tư pháp theo định kỳ và theo chuyên đề (*Báo cáo quyết toán ngân sách năm, trong đó có quyết toán vốn đầu tư niên độ năm hàng năm Kiểm toán nhà nước sẽ thực hiện kiểm toán; kiểm toán theo chuyên đề, kiểm toán tình hình quản lý sử dụng vốn để đầu tư (khoảng 02 năm/lần)*). Riêng đối với dự án nhóm A - Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội, Kiểm toán nhà nước thực hiện việc kiểm toán chi tiết định kỳ trong suốt quá trình thực hiện).

- Đối với công tác thanh tra, ngoài việc thực hiện thanh tra theo kế hoạch của các cơ quan nhà nước (*Thanh tra Chính phủ; Thanh tra Bộ Tài chính...*), hầu hết các dự án đầu tư xây dựng do Lãnh đạo Bộ quyết định đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2021 trở về đây, nếu chưa được Kiểm toán nhà nước thực hiện, Lãnh đạo Bộ đều sẽ giao Thanh tra Bộ Tư pháp tổ chức thanh tra chi tiết dự án làm cơ sở để Lãnh đạo Bộ phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định.

6. Nhiệm vụ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện

Để triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Bộ Tư pháp đã xác định nhiệm vụ chủ động phối hợp chặt chẽ, thực chất, trách nhiệm trong quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư công.

- Về phía Bộ Tư pháp: Lãnh đạo Bộ luôn quan tâm công tác phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương liên quan đến quá trình triển khai công tác đầu tư công nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn hàng năm (*phối hợp với UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương; với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường,...*);

- Về phía các đơn vị thuộc Bộ: Thực hiện chỉ đạo của Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ, trong giai đoạn 2021 đến nay, công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ được tăng cường để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu, báo cáo Lãnh đạo Bộ để giải quyết;

- Về phía các chủ đầu tư dự án: Giai đoạn 2021-2025, do việc triển khai dự án đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự địa phương có sự thay đổi theo hướng gộp các dự án theo địa bàn tỉnh hoặc liên tỉnh. Trên thực tế, các Chủ đầu tư cũng đã nỗ lực trong công tác phối hợp giữa: Chủ đầu tư (*là các Cục THADS được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư*) với các cơ quan, đơn vị là đối tượng trực tiếp thụ hưởng kết quả công trình sau đầu tư; giữa Chủ đầu tư với các Cục Thi hành án dân sự có công trình thuộc dự án liên tỉnh được đầu tư; giữa Chủ đầu tư với UBND các cấp, với các Bộ; Sở, Ban ngành và các tổ chức có liên quan.

*** Đánh giá chung**

Nhìn chung về tổng quát, sau 04 năm triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Bộ ngành Tư pháp đã cơ bản thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp đưa ra tại Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được ban hành tại Quyết định số 1511/QĐ-BTP. Qua thực tiễn kết quả triển khai kế hoạch đầu tư công hàng năm và qua các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền các cơ quan tham mưu, quản lý cũng đúc rút ra các bài học kinh nghiệm từ đó có sự chủ động hơn trong triển khai thực hiện, công tác triển khai thực hiện từng bước đi vào nề nếp, bài bản, kết quả thực hiện năm sau cao hơn năm trước.

Đối với kết quả triển khai thực hiện các dự án và giải ngân vốn đầu tư công mặc dù đã có sự quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, nỗ lực, cố gắng của các chủ thể có liên quan, tuy nhiên, kết quả đạt được còn hạn chế, tiến độ triển khai các dự án còn chậm, nhất là việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới và công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự kiến hết năm 2025, Bộ

ngành Tư pháp tối đa chỉ có thể thực hiện và giải ngân đạt **khoảng 60,9%** tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao. Nhưng khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án đã được nhận diện, tập trung tháo gỡ nhưng tiến độ triển khai các dự án vẫn còn chậm.

Đối với các nhiệm vụ khác, bên cạnh các nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, nhiệm vụ phát sinh để đáp ứng yêu cầu công việc thì tiến độ triển khai nhiều nhiệm vụ còn chậm, một số nhiệm vụ đã phải thay đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ, TỒN TẠI; NGUYÊN NHÂN; GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, tồn tại

1.1. Về công tác hoàn thiện thể chế nội bộ:

Tiến độ ban hành các quy định còn chậm; Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư công còn chậm hoàn thành đưa vào sử dụng.

1.2. Về tổ chức triển khai các dự án

1.2.1. Tiến độ triển khai các dự án còn chậm

a) Đối với các dự án chuyển tiếp: Về cơ bản tiến độ triển khai thi công xây dựng theo kế hoạch được duyệt, nhưng công tác hoàn thiện, nghiệm thu, quyết toán dự án còn chậm. Có **08 dự án** không triển khai thi công xây dựng hoặc chưa đáp ứng theo kế hoạch phải đề xuất Thủ tướng Chính phủ **kéo dài thời gian bố trí vốn** sang năm 2023, 2024, 2025.

b) Đối với các dự án khởi công mới: Hầu hết các dự án công tác hoàn thiện thủ tục đầu tư không đảm bảo theo kế hoạch, nhất là các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022, 2023. Một số dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc phải điều chỉnh chủ trương đầu tư để thực hiện. Đến 30/6/2024, ngoại trừ 02 dự án Bộ đã thực hiện thủ tục pháp lý dừng triển khai thực hiện vẫn còn 24 dự án chưa hoàn thiện được thủ tục đầu tư (*trong đó, 03 dự án công nghệ thông tin và 21 dự án xây dựng trụ sở cơ quan Thị hành án dân sự*).

1.2.2. Khó phân bổ hết kế hoạch vốn trước 31/12 hàng năm

Theo quy định tại khoản 5 Điều 61 Luật Đầu tư công, trước ngày 31/12 hàng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau, gửi phương án phân bổ chi

tiết cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến nay, ngoại trừ kế hoạch vốn năm 2024 Bộ Tư pháp phân bổ, giao chi tiết hết 100% cho các dự án trước 31/12/2023, các năm còn lại (2021,2022,2023) Bộ Tư pháp không thể phân bổ hết 100% kế hoạch vốn được giao trước 31/12 do các dự án mặc dù khi đề xuất kế hoạch vốn năm sau đều thực hiện cam kết hoàn thành thủ tục đầu tư đầu tư nhưng đến khi phân bổ lại không hoàn thành thủ tục nên dự án không đủ điều kiện phân bổ. Hiện nay, Bộ Tư pháp sẽ thực hiện nghiêm việc phân bổ kế hoạch vốn trước 31/12 theo đúng quy định của pháp luật.

1.2.3. Giải ngân vốn đầu tư công vẫn hết sức khó khăn, chưa đáp ứng chỉ tiêu giải ngân Thủ tướng Chính phủ giao

Từ kết quả triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn tại mục I Phần II trên, từ năm 2021 đến nay, giải ngân kế hoạch vốn hàng năm của Bộ Tư pháp rất khó khăn, tối đa đạt khoảng 80% kế hoạch vốn phân bổ (*năm 2022 không thể phân bổ hết kế hoạch vốn; số vốn phân bổ cũng không thể giải ngân*). Kết quả giải ngân thường dồn vào quý IV cuối năm nên hầu hết từ quý I-III, Bộ Tư pháp luôn nằm trong nhóm có kết quả giải ngân thấp hơn bình quân chung của cả nước.

1.2.4. Tổ chức triển khai thực hiện dự án tại một số nơi còn lúng túng, bị động, hiệu quả chưa cao. Trong đó, tồn tại một số hạn chế, nhược điểm lớn như:

- Tại cơ quan tham mưu cho người quyết định đầu tư: năng lực lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện còn nhiều bất cập, nhất là năng lực về khả năng kiểm soát, kiểm tra, giám sát,...dẫn tới tình trạng nhiều dự án chậm tiến độ, chậm giải ngân, chậm quyết toán....

- Chủ đầu tư, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư chưa thực sự vào cuộc; chưa tập trung, dành thời gian xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của dự án, nhất là các dự án vướng mắc về đất đai, quy hoạch xây dựng với địa phương; chưa chủ động trong công việc, chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp căn cơ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cụ thể ở từng dự án.

1.2.5. Tồn đọng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Số lượng các dự án chậm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc Bộ Tư pháp còn rất lớn (*72 dự án, chiếm 51,8% các dự án chuyển tiếp*). Nhóm các dự án này, nếu không được các cấp quyết định đầu tư, cơ quan

chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư thuộc Bộ Tư pháp quyết liệt, tập trung thực hiện sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mục tiêu, hiệu quả dự án, gây nợ đọng xây dựng cơ bản (thuộc hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật đầu tư công) và tiềm ẩn nảy sinh nhiều nguy cơ, rủi ro tranh chấp pháp lý với các nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn tham gia dự án.

1.2.6. Một số dự án còn vướng mắc chưa có giải pháp để quyết toán

Thời gian qua, trong quá trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành còn một số dự án đã triển khai thực hiện giai đoạn từ năm 2018 trở về trước chưa có giải pháp triệt để để có thể phê duyệt quyết toán do dự án chưa tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục trong đầu tư xây dựng như:

- Dự án hết thời gian thực hiện dự án theo kế hoạch được duyệt nhưng không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án làm cơ sở gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu còn dở dang;
- Một số phần việc, gói thầu bổ sung, phát sinh không có Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;
- Xử lý phát sinh, điều chỉnh thiết kế, sử dụng chi phí dự phòng không đúng thẩm quyền;
- Diện tích đất thực tế được giao ngoài thực địa khác với trên hồ sơ dự án những chủ đầu tư không thực hiện các thủ tục điều chỉnh hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công;
- Thất lạc hồ sơ, nhà thầu giữ không trả hồ sơ do không đạt được thỏa thuận, thiếu hồ sơ.....

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư còn hạn chế

Công tác kiểm tra dự án đầu tư của các cơ chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư còn hạn chế, chưa thực hiện được thường xuyên, liên tục. Công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư chủ yếu mới chỉ dừng việc đánh giá thông qua các báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo định kỳ của các chủ thể.

2. Nguyên nhân

Việc khó khăn, vướng mắc trong công tác triển khai dự án và phân bổ kế hoạch vốn do rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bộ Tư pháp cũng đã thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá và chỉ ra các nguyên nhân làm cơ sở để đề

xuất giải pháp khắc phục, đồng thời, rút ra bài học kinh nghiệm trong quản lý đầu tư công ở những năm tiếp theo.

2.1. Đối với việc hoàn thiện thể chế

- Tiến độ ban hành một số quy định còn chậm do các yêu cầu trong công tác chỉ đạo điều hành gắn với bối cảnh thực tiễn dẫn đến phải điều chỉnh, thay đổi hình thức ban hành văn bản (mặc dù trước đây Bộ Tư pháp đã ban hành các quy định để áp dụng). Đồng thời, do nhiều văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nên cần nhiều thời gian để hoàn thiện nội dung cho phù hợp với hình thức văn bản.

- Đối với việc xây dựng và ban hành thiết kế sơ bộ nhằm định hướng thiết kế kiến trúc, nhận diện cơ quan Thi hành án dân sự: Để đảm bảo tính khả thi, toàn diện, có tầm nhìn dài hạn, lâu dài, tiết kiệm, tránh lãng phí việc xây dựng và ban hành cần thiết phải tính toán, chuẩn bị thật kỹ lưỡng, đánh giá tổng thể, đa chiều để đảm bảo sự thống nhất, khả thi trong thực hiện gắn với bối cảnh thực tiễn và yêu cầu chất lượng ngày càng cao đối với công việc, trong đó có lĩnh vực đầu tư công.

- Đối với việc xây dựng phần mềm phục vụ quản lý đầu tư công: Việc triển khai thực hiện còn chậm do phát sinh nội dung để đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Mặt khác, do đây nội dung mới, quá trình xây dựng yêu cầu, triển khai xây dựng phần mềm chưa dự báo và lường hết những khó khăn, vướng mắc nên tiến độ xử lý các vấn đề phát sinh còn chậm.

2.2. Đối với việc tổ chức triển khai dự án

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

a) Vướng mắc về thể chế

- Một số quy định pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng, đất đai, đấu thầu, PCCC, bảo vệ môi trường, quản lý tài sản công còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi và chưa phù hợp thực tiễn. Một số bất cập trong cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện, nhận diện nhưng còn chậm được cơ quan chức năng có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

- Thủ tục hành chính trong công tác đầu tư xây dựng phức tạp, việc hình thành nhiều quy trình, thủ tục mới dẫn đến các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khó nắm vững và thực hiện thống nhất các quy định của Luật. Nhiều chủ đầu tư vẫn còn lúng túng, mất nhiều thời gian để hoàn thiện thủ tục do hồ sơ dự

án phải thông qua nhiều ngành, nhiều cấp, thủ tục hành chính phức tạp, phân cấp trách nhiệm chưa triệt để.

b) Tác động của dịch bệnh và bối cảnh thế giới

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 quý IV/2021 và quý I/2022 ảnh hưởng đến các hoạt động xã hội, trong đó có việc đi lại và triển khai công tác đầu tư công, nhất là việc triển khai công tác chuẩn bị các dự án khởi công mới.

- Do tác động bối cảnh xung đột, diễn biến phức tạp của tình hình thế giới làm đứt gãy nguồn cung ứng, lưu thông hàng hóa. Đồng thời, do ảnh hưởng, tác động của dịch bệnh Covid-19 diễn ra trong thời gian dài tác động làm giá xăng dầu, giá cước vận tải, chi phí sản xuất, nguyên vật liệu tăng cao, nguồn cung cấp hạn chế cũng ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện các hợp đồng, làm chậm triển khai và giải ngân kế hoạch vốn.

c) Ảnh hưởng khác từ bối cảnh khách quan mang lại

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 bắt đầu lập từ cuối năm 2019 nhưng đến quý 02/2021 (*từ tháng 4 đến tháng 7*) mới được Quốc hội thông qua tổng số ngân sách và thông báo tổng số vốn trung hạn để các Bộ, ngành phân bổ chi tiết. Đến ngày 15/9/2021, các Bộ, ngành trung ương và địa phương mới được Thủ tướng Chính phủ giao để triển khai thực hiện. Trong khi việc triển khai thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới cần phải có thời gian để thực hiện quy trình thủ tục chặt chẽ, qua nhiều bước mới có thể khởi công và giải ngân kế hoạch vốn (*Giới thiệu, chấp thuận địa điểm; khảo sát xây dựng; lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lấy ý kiến về PCCC, đấu nối hạ tầng với các cơ quan có liên quan; thẩm định tại Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng với nhóm C); quyết định đầu tư dự án; thiết kế bản vẽ thi công; lựa chọn nhà thầu; khởi công xây dựng,....*). Dự kiến các dự án nhanh nhất, thuận lợi nhất từ khi chuẩn bị đầu tư nhanh nhất cũng phải mất khoảng 8-12 tháng mới có thể khởi công xây dựng (*từ 2-3 lần đấu thầu rộng rãi chọn các đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công*).

- Hiện nay, rất nhiều địa phương đang triển khai thực hiện việc lập, điều chỉnh các quy hoạch giai đoạn 2021-2030 (*quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng,...*). Do đó, nhiều địa bàn (cấp huyện, cấp tỉnh) việc xác định vị trí, thực hiện các thủ tục giới thiệu, chấp thuận địa điểm, giao đất, cấp đất, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, quy hoạch tổng mặt bằng để xây dựng trụ sở cơ quan gặp rất nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian để hoàn thiện. Việc giao đất, cấp đất, điều chỉnh quy hoạch không kịp

thời tác động rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp tới tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án.

- Đối với các dự án công nghệ thông tin, trong bối cảnh hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, hệ thống đơn giá, giá vật tư thiết bị chưa được ban hành đầy đủ, kịp thời phù hợp với bối cảnh thực tiễn, bối cảnh chuyên đổi số diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các lĩnh vực nên việc xác định lập, quản lý chi phí thực hiện các dự án công nghệ thông tin hiện nay là hết sức khó khăn, phức tạp làm chậm triển khai.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Chất lượng công tác lập kế hoạch chưa cao, chưa sát thực tiễn và chưa lường hết các khó khăn, vướng mắc, khả năng dự báo tình hình còn hạn chế nhất là việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn trong giai đoạn năm 2020, 2021 khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát. Các cơ quan, đơn vị chưa lường hết những khó khăn, tác động của dịch bệnh Covid-19 tới các mặt của đời sống, kinh tế xã hội.

b) Năng lực của các cơ quan tham mưu, quản lý vẫn còn hạn chế, chưa quyết liệt, chưa hiệu quả; năng lực, trình độ của công chức thực hiện còn chưa đồng đều; khối lượng công việc nhiều trong khi biên chế ít dẫn đến đôi lúc còn chưa sâu sát, thiếu đôn đốc, kiểm tra; chưa phát huy tốt nhất vai trò định hướng, hướng dẫn về mặt chuyên môn, nghiệp vụ cho các chủ đầu tư.

c) Năng lực của chủ đầu tư dự án còn hạn chế, cụ thể:

- Chủ đầu tư hầu hết là cơ quan thụ hưởng dự án, hoạt động kiêm nhiệm, không có bộ phận tham mưu có chuyên môn, kinh nghiệm về công tác đầu tư công, đầu tư xây dựng.

- Tính chủ động của chủ đầu tư không cao trong bối cảnh: giai đoạn 2021-2025 triển khai dự án khởi công mới có nhiều thay đổi về cách thức triển khai, nhiều quy định pháp luật mới được ban hành; trình tự, thủ tục đầu tư công rất chặt chẽ, phức tạp, đan xen ở nhiều các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ đầu tư phần nhiều phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn xây dựng tại địa phương nơi xây dựng công trình.

d) Năng lực của nhà thầu còn hạn chế

- Phần lớn các nhà thầu tư vấn còn chưa cập nhật kịp thời, đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến trình tự, thủ tục trong quản lý dự án đầu tư công, dẫn đến chất lượng tư vấn chưa cao.

- Năng lực một số nhà thầu thi công tại địa phương còn hạn chế về mặt tài chính, kỹ thuật thi công và các thủ tục pháp lý có liên quan, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, tiến độ thi công và thủ tục thanh, quyết toán và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

2.3. Đối với công tác kiểm tra, giám sát

Do khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư còn nhiều, các công việc đều đòi hỏi thời gian giải quyết cấp thiết trong bối cảnh nguồn biên chế còn rất hạn chế, năng lực, khả năng giải quyết công việc không đồng đều nên việc bố trí các đoàn kiểm tra kiện trường thực hiện còn hạn chế, nội dung kiểm tra đôi khi còn sơ sài, hình thức.

3. Giải pháp thực hiện trong những năm cuối giai đoạn 2021-2025

Để tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Bộ ngành Tư pháp cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp đã xác định tại Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/10/2021 và các giải pháp sau đây:

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Nhìn nhận thẳng thắn vào các tồn tại, hạn chế, các nguyên nhân mang tính chủ quan để rút ra bài học kinh nghiệm cho mỗi cá nhân, tổ chức tham gia trực tiếp trong quy trình quản lý dự án đầu tư công đã được đưa vào kế hoạch. Qua đó, có từng nhóm giải pháp cụ thể nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp, chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất triển khai nhiệm vụ năm 2025;

- Tiếp tục thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc triển khai thực hiện. Tăng cường công tác quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, 2025; triển khai nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp thúc đẩy triển khai và giải ngân vốn đầu tư công đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp đề ra ngay từ đầu năm và trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo;

- Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ đầu tư công; công khai, minh bạch

trong triển khai, thực hiện và tiếp tục thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong công tác đầu tư công;

- Có chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cơ quan, đơn vị; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại; thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây nhũng nhịu, tiêu chức, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công;

- Tăng cường công tác hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đầu tư công cho các chủ đầu tư dự án; kịp thời xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế nội bộ trong lĩnh vực đầu tư công.

3.2. Đối với việc triển khai các dự án và giải ngân kế hoạch vốn

3.2.1. Đối với việc triển khai các dự án

a) Các Chủ đầu tư

- Bám sát các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ triển khai dự án đầu tư công; chủ động cập nhật, bổ sung các kiến thức cần thiết, đặc biệt, các quyền và nghĩa vụ chủ đầu tư; nhanh chóng, kịp thời, chủ động liên hệ với các cơ quan chuyên môn cấp trên để được hướng dẫn khi cần thiết, đặc biệt là về mặt chuyên môn sâu; quản lý chặt chẽ các hợp đồng tư vấn, thi công đã ký kết; tăng cường sự phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan đến quy trình quản lý dự án trong quá trình triển khai thực hiện. Thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư đúng theo quy định.

- Đối với các dự đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư: Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nhất là các vướng mắc liên quan đến đất đai, quy hoạch xây dựng, thủ tục môi trường; chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để hoàn thành thủ tục đầu tư, tập trung làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án;

- Đối với các dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư: bám sát các nội dung đã được phê duyệt trong quyết định đầu tư; các quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của người quyết định đầu tư; các khuyến nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư để triển khai thực hiện dự án đúng theo tiến độ. Kịp thời báo cáo xin ý kiến hoặc quyết định điều chỉnh kịp thời đối với các nội dung phát sinh vượt thẩm quyền. Đồng thời, quản lý, giám sát chặt chẽ tất cả các hợp đồng thuộc dự án.

- Đối với các dự án đang trong giai đoạn kết thúc đầu tư: khẩn trương hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng; lập quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; tổ chức kiểm toán độc lập; và trình duyệt quyết toán theo đúng thời hạn quy định. Nhanh chóng thanh toán công nợ và tất toán tài khoản dự án ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán và được bố trí vốn theo quy định.

b) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (*Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục Công nghệ thông tin, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự*):

- Cần chủ động, thường xuyên làm việc trực tiếp với các chủ đầu tư dự án để hướng dẫn triển khai và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Phân công cán bộ chuyên môn bám sát quá trình tổ chức lập, thẩm định hồ sơ dự án; giảm thiểu việc chỉnh sửa hồ sơ do không đạt yêu cầu;

- Kiểm tra, rà soát từng dự án cụ thể, nhất là các dự án khởi công mới; kiểm soát sự cần thiết, quy mô từng dự án theo đúng kế hoạch, mục tiêu đã được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư và kết quả đầu ra từng dự án;

- Tăng cường công tác kiểm tra hiện trường để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát hiện những bất cập để kịp thời xử lý;

- Tập trung nguồn lực để giải quyết triệt để việc chậm trễ trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

- Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công, tập trung rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án yếu kém, chưa thực sự cần thiết, cấp bách;

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và tổ chức lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 chất lượng, hiệu quả.

3.2.2. Việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2024

- Lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân từng tháng, quý;

- Chủ động rà soát, đánh giá khả năng giải ngân của từng dự án để có phương án điều chỉnh kế hoạch vốn từ những dự án chậm giải ngân sang dự án giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn;

- Thực hiện các thủ tục thanh toán trong thời hạn 05 ngày làm việc;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường để bám sát kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ.

3.3. Các giải pháp khác

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức quản lý đầu tư công; tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về đầu tư công cho các chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu cơ chế bố trí kinh phí để chủ đầu tư chủ động việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khi có nhu cầu để đáp ứng yêu cầu công việc.

- Tăng cường công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong 4 năm vừa qua (2021-2025), các bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện như sau:

Thứ nhất, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp cần bám sát, tuân thủ và thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Phải nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng, đấu thầu, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Thứ hai, công tác chỉ đạo điều hành xuyên suốt, thống nhất, kịp thời, hiệu quả; bám sát thực tiễn, phát huy trách nhiệm, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ trong điều hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

Thứ ba, nâng cao năng lực phân tích, dự báo, lập kế hoạch để đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.

Thứ tư, xác định rõ nhiệm vụ của từng dự án ngay từ khâu đề xuất kế hoạch; đánh giá toàn diện, đa chiều để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên thực hiện. Đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, không phân tán, dàn trải, manh mún

Thứ năm, chủ động, tích cực trong việc chuẩn bị điều kiện đất đai, mặt bằng thuận lợi cho các công trình để triển khai dự án ngay từ khi lập kế hoạch.

Thứ sáu, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường phân công, phân nhiệm rõ ràng, rành mạch đi đôi với kiểm tra, giám sát và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Thứ bảy, kiện toàn sắp xếp tổ chức, bộ máy làm công tác quản lý đầu tư công gắn với phân cấp, phân quyền; chủ động, từng bước nâng cao năng lực của

các chủ đầu tư dự án; tăng cường đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức tham gia công tác đầu tư công.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ thực tiễn triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 qua 04 năm và các bài học kinh nghiệm rút ra, để khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh việc triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn ở mức cao nhất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, trong khuôn khổ Hội nghị, Ban Tổ chức đề nghị các đơn vị:

1. Gắn chặt các nhiệm vụ quản lý đầu tư công với công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền xác định công tác quản lý dự án đầu tư công, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm là một nhiệm vụ chính trị quan trọng cần tập trung triển khai của đơn vị.

2. Các cấp quyết định đầu tư theo phân cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án thuộc Bộ Tư pháp tập trung đẩy mạnh việc quyết toán các dự án còn tồn đọng để xử lý dứt điểm trong giai đoạn 2021-2025, hạn chế tối đa các dự án tồn quyết toán chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030.

3. Chủ đầu tư dự án đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các dự án được giao quản lý, có giải pháp thúc đẩy tiến độ triển khai để phân đầu sớm hoàn thành dự án.

Đối với các dự án còn chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, tập trung làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án. Đối các dự án vướng mắc không triển khai được thì khẩn trương đề xuất và thực hiện thủ tục dừng triển khai thực hiện (không chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030).

4. Các Cục THADS địa phương thực hiện tốt việc đánh giá thực trạng đầu tư và đề xuất nhu cầu đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo tính khả thi. Chủ động làm việc với chính quyền địa phương để được giới thiệu địa điểm xây dựng các công trình giai đoạn 2026-2030, nhất là các công trình cấp thiết (đặc biệt quan tâm vấn đề đất đai, quy hoạch xây dựng).

5. Chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để triển khai thực hiện nhiệm vụ đầu tư công được giao; nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án.

VI. PHÀN PHỤ BIỂU ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ I

BIỂU TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP HOÀN THÀNH SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA BỘ TƯ PHÁP (TÍNH ĐẾN 30/6/2024)

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
	TỔNG SỐ		4.887.665	4.299.150	1.344.551	1.344.551						
A	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		4.887.665	4.299.150	1.344.551	1.344.551						
I	NGÀNH, LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		0	0	0	0						
II	KHO TÀNG		163.714	163.714	43.282	43.282						
a	Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành		32.994	32.994	1.494	1.494						
1	Cục kho vc Cục THADS tỉnh Phú Thọ	4083/QĐ-BTP ngày 31/12/2014	32.994	32.994	1.494	1.494	Đã phê duyệt quyết toán	2021				Bộ
b	Dự án chuyển tiếp từ 2016- 2020, hoàn thành trong kỳ		130.720	130.720	41.788	41.788						
1	Kho vc THADS tỉnh Tiền Giang và chi cục THADS TP. Mỹ Tho	1432, 07/11/13	12.679	12.679	579	579	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			TC
2	Kho vc THADS H. Phú Lộc	450/QĐ-BTP ngày 30/10/2009	4.390	4.390	340	340	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022			x	vướng mắc nghiệm thu, quyết toán	Bộ
3	Kho vc THADS H. Đức Hòa	736, 31/10/14	3.413	3.413	313	313	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2021				TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
4	Kho vc THADS H. Cần Giờ	737, 31/10/14	5.881	5.881	507	507	Quyết toán chậm nhất năm 2022	2022				TC
5	Kho vc THADS H. Lê Thủy	689, 24/10/14	2.510	2.510	520	520	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2021				TC
6	Cụm kho vc Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế và Chi cục THADDS TP Huế và cải tạo mở rộng trụ sở	824/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	14.677	14.677	1.562	1.562	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				TC
7	Kho vc THADS H. An Dương	825/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	4.000	4.000	257	257	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				TC
8	Kho vc THADS H. Hương Khê	839/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	3.143	3.143	314	314	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC
9	Kho vc THADS H. U Minh	837/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	2.922	2.922	294	294	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2023				TC
10	Kho vc THADS TX Tân Uyên	842/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	2.690	2.690	269	269		x				TC
11	Kho vật chứng THADS huyện Sông Lô	1061/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/17	8.889	8.889	565	565	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
12	Kho vật chứng THADS huyện Bắc Tân Uyên	1063/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/17	7.778	7.778	952	952	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2021		x			TC
13	Cải tạo, mở rộng trụ sở và kho vc Chi cục THADS H. Bát Xát	1288/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	5.806	5.806	3.774	3.774	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC
14	Kho vc Chi cục THADS H. Thanh Ba	1292/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.180	3.180	2.067	2.067	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2022				TC
15	Kho vc Chi cục THADS H. Thanh Miện	1253/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.210	3.210	2.086	2.086	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2022				TC
16	Kho vc Chi cục THADS H. Ân Thi	1293/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	2.985	2.985	1.940	1.940	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC
17	Kho vc kết hợp cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục THADS H. Minh Hóa	1290/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.519	3.519	2.287	2.287	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2022				TC
18	Kho vc Chi cục THADS TX Quảng Trị	1295/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	5.285	5.285	3.435	3.435	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
19	Kho vc Chi cục THADS H. Hà Trung	1294/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.054	3.054	1.986	1.986	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
20	Kho vc Chi cục THADS H. Cư Jut	1255/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	1.261	1.261	820	820	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
21	Kho vc Chi cục THADS H. Ngọc Hồi	1254/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.616	3.616	2.350	2.350	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
22	Cải tạo, mở rộng trụ sở kết hợp Kho vc Chi cục THADS H. Nhơn Trạch	1246/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	14.501	14.501	7.205	7.205	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
23	Kho vc Chi cục THADS H. Châu Thành	1298/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	2.740	2.740	1.781	1.781	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2022				TC
24	Kho vc Chi cục THADS H. Thạnh Hóa	1297/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.000	3.000	1.950	1.950	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
25	Kho vc Chi cục THADS TX. Ngã Năm	1257/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	1.789	1.789	1.163	1.163	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
26	Kho vc Chi cục THADS H. Thới Lai	1256/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	3.802	3.802	2.471	2.471	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		3.068.464	2.493.157	885.163	885.163						
a	Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành		69.967	35.000	1.000	1.000						
1	Cải tạo, chỉnh trang Trường Đại học Luật Hà Nội tại 87 Nguyễn Chí Thanh	2292/QĐ-BTP ngày 31/10/2016	69.967	35.000	1.000	1.000	Đã phê duyệt quyết toán	2021				Bộ
b	Dự án chuyển tiếp từ 2016-2020, hoàn thành, quyết toán trong kỳ 2021-2025		2.998.497	2.458.157	884.163	884.163						
1	Trường Trung cấp Luật Đồng Hới	QĐ 2569/QĐ-BTP ngày 31/10/2013	343.771	343.771	12.000	12.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2024				Bộ
2	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	QĐ 2917/QĐ-BTP ngày 31/10/14	339.128	338.298	12.500	12.500	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				Bộ
3	Trường Trung cấp luật Vị Thanh	2567/QĐ-BTP ngày 25/10/2013	289.752	289.752	1.000	1.000	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				Bộ
4	Trường Trung cấp luật Thái Nguyên	2787/QĐ-BTP ngày 26/10/2012	227.479	227.479	8.000	8.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x		vướng CĐT, KTĐL,	Bộ

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
											Nhà thầu	
5	Dự án xây dựng Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội	2154/QĐ-BTP ngày 30/10/2017	1.798.367	1.258.857	850.663	850.663	Dự án chuyển tiếp thực hiện gđ 2021-2025				x	Bộ
IV	NGÀNH, LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		1.655.487	1.642.279	416.107	416.107						
	Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành		125.695	124.695	9.578	9.578						
1	Trụ sở làm việc và kho vật chứng THADS H. Sóc Sơn	2914/QĐ-BTP ngày 31/10/2014	21.045	20.045	3.884	3.884	Đã phê duyệt quyết toán	2021				Bộ
2	Trụ sở THADS tỉnh Quảng Nam và cụm kho vc	2911/QĐ-BTP ngày 31/10/14	29.004	29.004	3.278	3.278	Quyết toán xong dự án năm 2021		x		Vướng mắc về thời gian THDA	Bộ
3	Trụ sở THADS tỉnh Đồng Tháp và cụm kho vật chứng Cục THADS tỉnh và Chi cục THADS TP. Cao Lãnh	1473/QĐ-BTP ngày 14/6/2013	19.246	19.246	724	724	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				Bộ
4	Cải tạo mở rộng trụ sở Cục THADS tỉnh Nghệ An	2910/QĐ-BTP ngày 31/10/2014	18.523	18.523	1.489	1.489	Quyết toán xong dự án năm 2021		x		Vướng mắc phát sinh	Bộ
5	Trụ sở THADS tỉnh Cà Mau	444/QĐ-BTP ngày 10/4/2010	37.877	37.877	203	203	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				Bộ
b	Dự án chuyển tiếp từ 2016-2020, hoàn thành, quyết		1.529.792	1.517.584	406.529	406.529						

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
	toán trong kỳ 2021-2025											
1	Trụ sở THADS H. Ngọc Hồi	401/QĐ-BTP ngày 29/10/2009	7.565	7.565	692	692	Quyết toán xong dự án năm 2021		x		Vướng QĐ điều chỉnh thời gian thực hiện	Bộ
2	Trụ sở THADS Tỉnh Bắc Kạn và cụm kho vật chứng Cục THADS tỉnh và Chi cục THADS TX. Bắc Kạn	2437, 30/9/13	29.689	29.689	2.978	2.978	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x		Vướng QĐ điều chỉnh thời gian thực hiện	Bộ
3	Trụ sở THADS Q. 4	1714, 19/6/12	21.266	21.266	1.379	1.379	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			Bộ
4	Trụ sở THADS Q. 5	1713, 19/6/12	18.259	18.259	1.224	1.224	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				Bộ
5	Trụ sở THADS Khánh Hòa, Chi cục THADS TP. Nha Trang và Cụm kho vật chứng	1606, 08/7/14	52.119	52.119	2.788	2.788	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			Bộ
6	Trụ sở THADS tỉnh Thanh Hóa và cụm kho vật chứng Cục và TP. Thanh Hóa	504/QĐ-TC ngày 15/7/2014	29.291	29.291	754	754	Đã phê duyệt quyết toán		x			TC
7	Trụ sở và kho vc THADS TP. Hải Phòng	2912, 31/10/14	61.095	61.095	10.500	10.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022			x	Vướng nghịem thu,	Bộ

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
8	Trụ sở THADS TP. Hà Nội và cụm kho vc TP và quận Cầu Giấy	2528, 18/10/13	138.577	138.577	25.000	25.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			Bộ
9	Trụ sở THADS tỉnh Vĩnh Phúc và chi cục TP. Vĩnh Yên	2915, 31/10/14	44.994	41.494	2.596	2.596	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				Bộ
10	Trụ sở THADS TP. Biên Hòa	732, 31/10/14	17.710	17.710	601	601	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				TC
11	Trụ sở THADS TP. Cẩm Phả	734, 31/10/14	17.168	15.026	553	553	Quyết toán xong dự án năm 2021	2021				TC
12	Trụ sở THADS Q. Lê Chân và cụm kho vc THADS Q. Lê Chân, Q. Hải An và Q. Ngô Quyền	2913, 31/10/14	31.048	31.048	3.241	3.241	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022			x	Vướng nghiem thu,	Bộ
13	Trụ sở Cục THADS tỉnh Sóc Trăng, trụ sở Chi cục THADS TP Sóc Trăng	1888/QĐ- BTP ngày 30/10/2015	40.000	40.000	2.000	2.000	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				Bộ
14	Trụ sở kiêm kho vc Cục THADS tỉnh Bình Dương	1892/QĐ- BTP ngày 30/10/2015	30.666	30.666	1.841	1.841	Quyết toán xong dự án năm 2021	2024				Bộ
15	Trụ sở Cục THADS tỉnh Quảng Ninh và cụm kho vc THADS tỉnh Quảng Ninh và TP. Hạ Long	1887/QĐ- BTP ngày 30/10/2015	31.000	31.000	3.000	3.000	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				Bộ
16	Trụ sở Cục THADS tỉnh Bắc Giang và Chi cục THADS TP. Bắc Giang, cụm kho vc tỉnh Bắc Giang và TP.	1890/QĐ- BTP ngày 30/10/2015	45.619	45.619	7.069	7.069	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			Bộ

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
	Bắc Giang											
17	Trụ sở Cục THADS tỉnh Quảng Trị	805/QĐ- TCTHADS ngày 30/10/2015	14.566	10.000	1.186	1.186	Quyết toán xong dự án năm 2021	2024				TC
18	Trụ sở THADS H.Sông Lô	820/QĐ- TCTHADS ngày 30/10/2015	12.000	10.000	935	935	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				TC
19	Trụ sở TX. Hoàng Mai	807/QĐ- TCTHADS ngày 30/10/2015	14.700	14.700	3.000	3.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			TC
20	Trụ sở THADS H. Quảng Trạch	808/QĐ- TCTHADS ngày 30/10/2015	9.854	9.854	450	450	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2021				TC
21	Trụ sở và kho vc THADS Q. Liên Chiểu	809/QĐ- TCTHADS ngày 30/10/2015	13.320	13.320	548	548	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				TC
22	Trụ sở THADS H. Bắc Tân Uyên	812/QĐ- TCTHADS ngày 30/10/2015	9.700	9.700	405	405	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
23	Trụ sở THADS H. Bù Gia Mập	814/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	10.000	10.000	1.200	1.200	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				TC
24	Trụ sở THADS H. Cờ Đỏ	815/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	9.258	9.258	433	433	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
25	Trụ sở THADS H. Bình Tân	816/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	8.038	8.038	495	495	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				TC
26	Cải tạo mở rộng trụ sở THADS TP. Vĩnh Long	817/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	4.908	4.908	189	189	Quyết toán xong dự án năm 2021	2024				TC
27	Trụ sở THADS H. Trần Đề	818/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	10.000	10.000	744	744	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC
28	Cải tạo, mở rộng trụ sở THADS H. Côn Đảo và kho vật chứng	819/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	7.000	7.000	503	503	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC
29	Trụ sở THADS H. Giang Thành	806/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	12.176	12.176	676	676	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
30	Cải tạo, mở rộng trụ sở THADS H. Phú Quốc	821/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	7.320	7.320	321	321	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			TC
31	Trụ sở THADS H. Vĩnh Lợi	822/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2015	10.000	10.000	1.000	1.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC
32	Trụ sở Chi cục THADS H. Nậm Pồ	1039/QĐ-TCTHADS ngày 26/10/2017	9.534	9.534	1.234	1.234	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				TC
33	Trụ sở và kho vc Chi cục THADS H. Nậm Nhùn	1052/QĐ-TCTHADS ngày 27/10/2017	8.480	8.480	780	780	Quyết toán xong dự án năm 2021	2024				TC
34	Trụ sở Chi cục THADS H. Vân Hồ	1041/QĐ-TCTHADS ngày 26/10/2017	8.660	8.660	2.470	2.470	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
35	Trụ sở và kho vc Chi cục THADS H. Krông Buk	1108/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2016	10.558	10.558	958	958	Quyết toán xong dự án năm 2021			x		TC
36	Trụ sở Chi cục THADS H. Hớn Quản	1040/QĐ-TCTHADS ngày 26/10/2017	8.240	8.240	740	740	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
37	Trụ sở và kho vc Chi cục THADS H.Phú Tân	1042/QĐ-TCTHADS ngày 26/10/2017	10.077	10.077	1.477	1.477	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
38	Trụ sở Chi cục THADS H. Bầu Bàng	1056/QĐ-TCTHADS ngày 26/10/2017	9.186	9.186	1.210	1.210	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
39	Trụ sở Chi cục THADS H.Mô Cày Bắc	1057/QĐ-TCTHADS 30/10/2017	10.853	10.853	1.753	1.753	Quyết toán xong dự án năm 2021			x		TC
40	Trụ sở Chi cục THADS H.Hồng Ngự	1043/QĐ-TCTHADS 26/10/2017	8.096	8.096	794	794	Quyết toán xong dự án năm 2021	2024				TC
41	Trụ sở Chi cục THADS huyện Kỳ Anh	1051/QĐ-TCTHADS 27/10/2017	7.632	7.632	682	682	Quyết toán xong dự án năm 2021	2024				TC
42	Trụ sở Chi cục THADS H.Phụng Hiệp	1064/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2017	9.316	9.316	1.127	1.127	Quyết toán xong dự án năm 2021			x		TC
43	Trụ sở và kho vc Chi cục THADS H. Lạc Dương	2155/QĐ-BTP ngày 31/10/2017	16.181	16.181	1.500	1.500	Quyết toán xong dự án năm 2021	2022				Bộ
44	Trụ sở Chi cục THADS H.Cam Lâm	1066/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2017	9.903	9.903	1.279	1.279	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
45	Trụ sở Chi cục THADS H. Mộc Hóa	1058/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2017	8.924	8.924	924	924	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
46	Trụ sở Chi cục THADS H.Trà Bồng	1067/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2017	9.382	9.382	5.882	5.882	Quyết toán xong dự án năm 2021				Dừng triển khai	TC
47	Trụ sở Chi cục THADS H. Cai Lậy	1055/QĐ-TCTHADS ngày 30/10/2017	12.141	12.141	2.221	2.221	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022				Kéo dài thời gian thực hiện hết năm 2024	TC
48	Trụ sở Chi cục THADS H.Châu Thành	1065/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2017	8.393	8.393	1.315	1.315	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
49	Trụ sở và kho vc Chi cục THADS H. Tân Uyên	1053/QĐ-TCTHADS ngày 27/10/2017	8.778	8.778	978	978	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC
50	Trụ sở và kho vc Chi cục THADS H. Như Xuân	1050/QĐ-TCTHADS ngày 26/10/2017	9.704	9.704	1.834	1.834	Quyết toán xong dự án năm 2021			x		TC
51	Trụ sở Chi cục THADS huyện Tiền Hải	1062/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2017	10.000	10.000	1.100	1.100	Quyết toán xong dự án năm 2021		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
52	Trụ sở Chi cục THADS H.Mường Ảng	1192/QĐ- TCTHADS ngày 31/10/2017	8.694	8.694	794	794	Quyết toán xong dự án năm 2021	2023				TC
53	Trụ sở Chi cục THADS H.Châu Thành	1197/QĐ- TCTHADS ngày 31/10/2017	9.609	9.609	909	909	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC
54	Trụ sở Chi cục THADS Q.Dương Kinh	1191/QĐ- TCTHADS ngày 31/10/2017	10.888	10.888	988	988	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022			x		TC
55	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS TP. Tuyên Quang	2668/QĐ- BTP ngày 31/10/2019	16.670	16.670	7.670	7.670	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				Bộ
56	Trụ sở Chi cục THADS huyện Phú Riềng	1196/QĐ- TCTHADS ngày 31/10/2017	8.723	8.723	823	823	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2023				TC
57	Trụ sở Chi cục THADS huyện Ia'Drai	1195/QĐ- TCTHADS ngày 31/10/2017	8.094	8.094	694	694	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			TC
58	Trụ sở Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy	1194/QĐ- TCTHADS ngày 31/10/2017	11.351	11.351	1.051	1.051	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2023				TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
59	Trụ sở Chi cục THADS H.Lâm Bình	1193/QĐ-TCTHADS 31/10/2017	11.351	11.351	2.351	2.351	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022	2022				TC
60	Trụ sở Chi cục THADS H.Tân Phú Đông	1245/QĐ-TCTHADS 31/10/2019	9.101	9.101	5.916	5.916	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2022		x			TC
61	Trụ sở Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm	2668/QĐ-BTP ngày 31/10/2019	16.740	16.740	10.881	10.881	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				Bộ
62	Trụ sở Chi cục THADS H. Ngọc Hiến	1299/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.122	9.122	3.649	3.649	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
63	Trụ sở Chi cục THADS H. Long Mỹ	1262/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	8.094	8.094	3.238	3.238	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
64	Trụ sở Chi cục THADS huyện Duyên Hải	1261/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.122	9.122	3.649	3.649	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
65	Trụ sở Chi cục THADS H.Bình Chánh và cụm kho	2386/QĐ-BTP ngày 01/12/2020	20.560	20.560	20.560	20.560	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2024			x		Bộ
66	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	1268/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
67	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	1273/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	14.000	14.000	8.000	8.000	Hiện tại chưa khởi công				Kéo dài thời gian thực hiện hết năm 2024 - Chưa khởi công	TC
68	Trụ sở Chi cục THADS thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	1264/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	11.000	11.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
69	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	1267/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
70	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	1266/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	5.000	5.000	Vướng mắc giao đất				Kéo dài thời gian thực hiện hết năm 2024	TC
71	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	1263/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC
72	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	1280/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	8.000	8.000	4.500	4.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
73	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Quan Hóa	1275/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
74	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	1281/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.500	9.500	5.500	5.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
75	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	1247/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	5.000	5.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC
76	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Yên Bình	1265/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	5.500	5.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
77	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Ngân Sơn	1270/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	5.000	5.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
78	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS thị xã Sông Cầu	1283/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	5.500	5.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023				Kéo dài TGTH hết năm 2024	TC
79	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Nam Đông	1279/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	4.500	4.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
80	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	1250/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	14.500	14.500	8.000	8.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
81	Cải tạo, mở rộng trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh	1291/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	14.730	14.730	8.230	8.230	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
82	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1272/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	12.000	12.000	6.500	6.500	Hiện tại chưa khởi công	2023				TC
83	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	1286/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	11.000	11.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
84	Trụ sở Chi cục THADS huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	1260/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	7.000	7.000	4.000	4.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
85	Trụ sở Chi cục THADS thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	1269/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	12.000	12.000	6.500	6.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
86	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	1248/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	8.500	8.500	5.000	5.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
87	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc	1285/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	12.000	12.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
88	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Yên Mô	1274/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	5.000	5.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
89	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	1282/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	5.500	5.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
90	Cụm trụ sở và cụm kho vật chứng Cục THADS tỉnh Kon Tum - Chi cục THADS thành phố Kon Tum	2666/QĐ-BTP ngày 31/10/2019	41.000	41.000	25.000	25.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		Bộ
91	Cải tạo mở rộng trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Mường Lát	1289/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	6.000	6.000	3.500	3.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023			x		TC
92	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Gio Linh	1278/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	5.000	5.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
93	Xây mới trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Bá Thước	1276/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	12.000	12.000	6.500	6.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1511/QĐ-BTP ngày 05/11/2021	Đánh giá kết quả thực hiện dự án				Cấp quyết định đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: vốn NSNN	Đã hoàn thành				Chưa hoàn thành/Lý do khác
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN				Đã quyết toán	đã trình HSQT	chưa trình HSQT		
94	Cải tạo, mở rộng trụ sở Cục THADS tỉnh Đắk Lắk	1244/QĐ-TCTHADS 31/10/2019	12.500	12.500	7.000	7.000	Hiện tại chưa khởi công		x			TC
95	Cụm kho vật chứng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và TP Biên Hòa	1252/QĐ-TCTHADS 31/10/2019	13.000	13.000	12.567	12.567	Vướng mắc GPMB				Dừng triển khai	TC
96	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS Triệu Sơn	1277/QĐ-TCTHADS 31/10/2019	12.000	12.000	6.500	6.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2023				TC
97	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	1271/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	12.000	12.000	6.500	6.500	Hiện tại chưa khởi công		x			TC
98	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện An Phú, tỉnh An Giang	1251/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	10.000	10.000	5.500	5.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
99	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam	1284/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	9.000	9.000	5.000	5.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
100	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	1249/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	11.000	11.000	6.000	6.000	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023		x			TC
101	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Bình Đại, Bến Tre	1287/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	12.000	12.000	6.500	6.500	Quyết toán xong dự án chậm nhất năm 2023	2022				TC

BIỂU TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 THUỘC BỘ TƯ PHÁP (TÍNH ĐẾN 30/6/2024)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ				2.326.309	2.326.309	2.235.949	2.235.949					
A	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC				2.326.309	2.326.309	2.235.949	2.235.949					
I	NGÀNH, LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				250.000	250.000	250.000	250.000					
	Dự án khởi công mới				250.000	250.000	250.000	250.000					
	Kế hoạch đầu tư năm 2022				250.000	250.000	250.000	250.000					
1	Đầu tư Hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp	Cục CNTT	2022- 2025	QĐ số 954/QĐ- BTP ngày 03/6/2021	70.000	70.000	70.000	70.000	x				
2	Xây dựng Hệ thống thông tin phổ biến giáo dục pháp luật	Cục PBGDPL	2022- 2025	QĐ số 955/QĐ- BTP ngày 03/6/2021	40.000	40.000	40.000	40.000				x	
3	Xây dựng Cơ sở dữ liệu Hộ tịch	Cục HTQTCT	2022- 2025	QĐ số 956/QĐ- BTP ngày 03/6/2021	80.000	80.000	80.000	80.000			x		

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
4	Xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn I	Cục QLXLVPHC	2022-2024	QĐ số 957/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	30.000	30.000	30.000	30.000				x	
5	Đầu tư hệ thống giao ban trực tuyến cho các cơ quan THADS cấp huyện	Tổng cục	2022-2024	QĐ số 958/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	30.000	30.000	30.000	30.000					x
	Kế hoạch đầu tư năm 2025 (bổ sung)												
6	Hệ thống thông tin Trợ giúp pháp lý	Cục TGPL	2024-2027		99.000	99.000	99.000	99.000				x	
II	NGÀNH, LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				2.076.309	2.076.309	1.985.949	1.985.949					
	Dự án khởi công mới				2.076.309	2.076.309	1.985.949	1.985.949					
	Kế hoạch đầu tư năm 2021				148.400	148.400	148.400	148.400					
1	Trụ sở Cục Trợ giúp pháp lý	Cục TGPL	2021-2025		130.000	130.000	130.000	130.000			x		
2	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Cục THADS tỉnh Quảng Ninh	2021-2023		18.400	18.400	18.400	18.400	x				

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024						
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư		
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai	
	Kế hoạch đầu tư năm 2022				1.057.206	1.057.206	1.057.206	1.057.206						
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở số 10 Phan Văn Trường, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tổng cục	2022-2024	QĐ số /QĐ-BTP ngày 03/6/2021	30.000	30.000	30.000	30.000						x
2	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Cục THADS tỉnh Lâm Đồng	2022-2025	QĐ số 917/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	69.500	69.500	69.500	69.500			x			
3	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn TP Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam	Cục THADS TP Đà Nẵng	2022-2025	QĐ số 918/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	48.900	48.900	48.900	48.900			x			
4	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Cục THADS tỉnh Hải Dương	2022-2024	QĐ số 919/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	41.000	41.000	41.000	41.000				x		
5	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai	Cục THADS TP Hồ Chí Minh	2022-2025	QĐ số 920/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	110.606	110.606	110.606	110.606			x			

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
6	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội	Cục THADS TP Hà Nội	2022-2025	QĐ số 921/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	127.000	127.000	127.000	127.000				x	
7	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Cục THADS tỉnh Nghệ An	2022-2025	QĐ số 922/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	57.200	57.200	57.200	57.200		x			
8	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và tỉnh Vĩnh Phúc	Cục THADS tỉnh Phú Thọ	2022-2025	QĐ số 923/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	72.600	72.600	72.600	72.600			x		
9	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Cục THADS tỉnh Tiền Giang	2022-2025	QĐ số 924/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	52.000	52.000	52.000	52.000				x	
10	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn TP Hải Phòng và tỉnh Thái Bình	Cục THADS TP Hải Phòng	2022-2025	QĐ số 925/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	92.000	92.000	92.000	92.000			x		
11	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Cục THADS tỉnh Bến Tre	2022-2024	QĐ số 926/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	27.100	27.100	27.100	27.100		x			
12	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An	Cục THADS tỉnh Long An	2022-2024	QĐ số 927/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	39.500	39.500	39.500	39.500		x			

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
13	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum	Cục THADS tỉnh Gia Lai	2022-2025	QĐ số 928/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	80.200	80.200	80.200	80.200			x		
14	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Cục THADS tỉnh Tây Ninh	2022-2025	QĐ số 929/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	70.500	70.500	70.500	70.500		x			
15	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình	Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh	2022-2025	QĐ số 930/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	70.700	70.700	70.700	70.700			x		
16	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị	Cục THADS tỉnh Thừa Thiên	2022-2024	QĐ số 931/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	35.400	35.400	35.400	35.400		x			
17	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn TP Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang	Cục THADS tỉnh Hậu Giang	2022-2024	QĐ số 932/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	33.000	33.000	33.000	33.000				x	
	Kế hoạch đầu tư năm 2023				549.303	549.303	549.303	549.303					
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Tư pháp tại 60 Trần Phú, Ba Đình, HN	VPB	2023-2025	QĐ số /QĐ-BTP ngày 03/6/2021	33.303	33.303	33.303	33.303	x				

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
2	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Bạc Liêu	Cục THADS tỉnh Sóc Trăng	2023-2025	QĐ số 934/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	36.500	36.500	36.500	36.500				x	
3	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Cục THADS tỉnh Bình Dương	2023-2026	QĐ số 935/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	53.000	53.000	53.000	53.000				x	
4	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Ninh Bình	Cục THADS tỉnh Thanh Hóa	2023-2026	QĐ số 936/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	58.200	58.200	58.200	58.200				x	
5	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên	Cục THADS Bình Định	2023-2026	QĐ số 937/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	60.500	60.500	60.500	60.500				x	
6	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	2023-2026	QĐ số 938/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	50.000	50.000	50.000	50.000				x	
7	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Cục THADS tỉnh Kiên Giang	2023-2026	QĐ số 939/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	70.000	70.000	70.000	70.000			x		
8	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	2023-2025	QĐ số 940/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	35.000	35.000	35.000	35.000				x	

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
9	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Lai Châu	Cục THADS tỉnh Lào Cai	2023-2025	QĐ số 941/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	39.300	39.300	39.300	39.300				x	
10	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh	Cục THADS tỉnh Vĩnh Long	2023-2025	QĐ số 942/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	35.000	35.000	35.000	35.000				x	
11	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Giang	Cục THADS tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	QĐ số 943/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	34.500	34.500	34.500	34.500				x	
12	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Cục THADS tỉnh Cao Bằng	2023-2025	QĐ số 944/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	44.000	44.000	44.000	44.000		x			
Kế hoạch đầu tư năm 2024					256.200	256.200	204.960	204.960					
1	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và tỉnh Đắk Nông	Cục THADS tỉnh Bình Phước	2024-2026	QĐ số /QĐ-BTP ngày 03/6/2021	28.200	28.200	22.560	22.560				x	
2	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp	Cục THADS An Giang	2024-2027	QĐ số 946/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	95.000	95.000	76.000	76.000				x	
3	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Cục THADS tỉnh Hà Giang	2024-2026	QĐ số 947/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	40.000	40.000	32.000	32.000				x	

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn/Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kết quả triển khai 2021-2024					
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSNN	Đã có QĐ đầu tư			Chưa có quyết định đầu tư	
					Tổng số	Trong đó: vốn NSNN			Đã thi công xong	Đang thi công	Dự kiến KC 2024	Vẫn đang CBĐT	Dừng triển khai
4	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Cục THADS tỉnh Cà Mau	2024-2026	QĐ số 948/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	42.000	42.000	33.600	33.600				x	
5	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	2024-2026	QĐ số 949/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	26.000	26.000	20.800	20.800				x	
6	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Cục THADS tỉnh Đắk Lắk	2024-2026	QĐ số 950/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	25.000	25.000	20.000	20.000				x	
Kế hoạch đầu tư năm 2025					65.200	65.200	26.080	26.080					
1	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận	Cục THADS tỉnh Khánh Hòa	2025-2027	QĐ số /QĐ-BTP ngày 03/6/2021	35.600	35.600	14.240	14.240				x	
2	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Cục THADS tỉnh Hòa Bình	2025-2027	QĐ số 952/QĐ-BTP ngày 03/6/2021	29.600	29.600	11.840	11.840				x	

CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Để triển khai xây dựng, triển khai có hiệu quả, khả thi Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung chính cần thực hiện trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026-2030

1. Luật Đầu tư công 2019;
2. Luật Ngân sách nhà nước năm 2020;
3. Các Nghị quyết, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc về các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030;
4. Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững;
5. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030;
6. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;
7. Quyết định số 696/QĐ-BTP ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2026-2030 của Bộ Tư pháp;
8. Công văn số 2220/BTP-KHTC ngày 03/5/2024 về việc rà soát thực trạng, đề xuất nhu cầu và chuẩn bị các điều kiện lập Kế hoạch ĐTC trung hạn 2026-2030.

II. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG

1. Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030;
2. Vốn đầu tư công được tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ lớn, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm của Bộ, các dự án đảm bảo

cơ sở vật chất các cơ quan thuộc Bộ, các dự án phục vụ chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện các nhiệm vụ của Bộ; đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương;

3. Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc Ngành, lĩnh vực đầu tư công theo các quy định của Luật Đầu tư công;

4. Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực, nguồn vốn khác. Đặc biệt quan tâm tới các dự án có sức lan tỏa và tác động lớn tới ngành, lĩnh vực Tư pháp.

III. NGUYÊN TẮC LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 được Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định; tuân thủ quy định tại Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;

2. Các lĩnh vực cần xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 phù hợp với mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030; Chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng;

3. Thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 (nếu có), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc Hội (nếu còn);

4. Không bố trí vốn đầu tư công cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án không thuộc Ngành, lĩnh vực đầu tư công theo các quy định;

5. Bố trí đủ vốn để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2025 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026-2030;

6. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư phù hợp với nguồn lực sẵn có, phù hợp các quy định pháp luật hiện hành, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư;

IV. THỨ TỰ ƯU TIÊN BỐ TRÍ VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định Luật Đầu tư công (nếu có);
2. Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);
3. Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ đủ vốn; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;
4. Phần vốn còn lại phân bổ cho các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030;

V. NỘI DUNG CHÍNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Để chuẩn bị cho việc tổ chức đánh giá, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và triển khai xây dựng có hiệu quả, khả thi Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định 696/QĐ-BTP ngày 19/4/2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp, nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích

- Tăng cường đảm bảo cơ sở vật chất cho các cơ quan thuộc Bộ Tư pháp quản lý phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của Bộ và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực;
- Đảm bảo việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 dân chủ, công khai, minh bạch; tuân thủ các quy định của pháp luật; đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đầy đủ nội dung theo yêu cầu;
- Đảm bảo đáp ứng được nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ, ngành Tư pháp theo đúng kế hoạch.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, các yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Các chương trình hành động, kế hoạch, chiến lược phát triển của Bộ, ngành Tư pháp.

- Đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt của Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp trong việc lập và triển khai Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

- Tăng cường sự chủ động và đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, rõ ràng về trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc lập kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn Đầu tư công được Chính phủ giao.

3. Nhiệm vụ tổng thể

Triển khai xây dựng Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp trên cơ sở thực hiện những nhiệm vụ chính như sau:

- Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn lập Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp.

- Đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Tổng hợp, rà soát thực trạng đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan THADS địa phương; các hoạt động, dự án CNTT đến hết kỳ trung hạn 2021-2025.

- Tổng hợp đề xuất nhu cầu đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở thực trạng hiện có và nhu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo của Bộ, ngành.

- Xây dựng các tiêu chí, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên lựa chọn danh mục chương trình, dự án, đề án đưa vào Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức hội thảo đánh giá khó khăn, vướng mắc, kết quả đạt được giai đoạn và tập huấn hướng dẫn, đề xuất cách thức triển khai Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng dự thảo Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Hoàn thiện các cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án, đề án mới đưa vào Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Trình Lãnh đạo Bộ xem xét, chấp thuận Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp.

- Gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền; Giải trình, bổ sung hồ sơ (nếu có) trước các cơ quan có thẩm quyền.

Các nội dung nhiệm vụ cụ thể, thời hạn thực hiện, đơn vị chủ trì thực hiện, các đơn vị phối hợp thực hiện và kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ xem chi tiết.

4. Nhiệm vụ cụ thể

a) Cục Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn chung, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch này và tham mưu cho Lãnh đạo Bộ việc triển khai thực hiện lập Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì tổ chức hội thảo đánh giá khó khăn, vướng mắc, kết quả đạt được giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn, đề xuất cách thức triển khai Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030, trình Ban cán sự, Lãnh đạo Bộ để trình Chính phủ theo đúng quy định;

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ tiến độ thực hiện theo định kỳ, các vấn đề phát sinh cần xin ý kiến;

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch này.

b) Tổng cục Thi hành án dân sự

- Chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hệ thống THADS; về tính hiệu quả, khả thi các dự án đầu tư cơ quan THADS địa phương; Hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan THADS địa phương thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

- Chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính tổ chức kiểm tra, đánh giá thực trạng, kiểm tra các điều kiện cần thiết đối với các đơn vị đề xuất đầu tư xây dựng mới;

- Chủ trì thẩm định kết quả đánh giá thực trạng; thẩm định đề xuất nhu cầu của khối cơ quan THADS và tổng hợp chung, đề nghị Bộ nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất khối cơ quan THADS giai đoạn 2026-2030;

- Chủ trì thẩm định sơ bộ chủ trương đầu tư các dự án trước khi chuyển hồ sơ đề Cục Kế hoạch - Tài chính thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng mới trong kỳ;

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

c) Cục trưởng Cục THADS tỉnh, thành phố

- Chịu trách nhiệm rà soát, báo cáo rõ thực trạng quản lý trụ sở làm việc, kho vật chứng; sắp xếp thứ tự ưu tiên, đề xuất nhu cầu đầu tư các cơ quan THADS trên địa bàn, trong đó có tính đến biên chế, số lượng công việc hàng năm;

- Chịu trách nhiệm làm việc với chính quyền địa phương để được giới thiệu địa điểm đất xây dựng mới các cơ quan THADS theo đúng yêu cầu, quy định của Bộ;

- Thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, hướng dẫn và thời hạn lập, gửi các báo cáo, hồ sơ có liên quan của cơ quan cấp trên trong lĩnh vực đầu tư công.

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA BỘ TƯ PHÁP**

(kèm theo Quyết định số 696 /QĐ-BTP ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Nội dung công việc	Thời hạn thực hiện/hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm
I	Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp				
1	Văn bản đề nghị rà soát thực trạng, đề xuất nhu cầu đầu tư trụ sở làm việc các đơn vị thuộc Bộ	Trước ngày 30/4/2024	Cục KHTC	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản hướng dẫn
2	Văn bản đề nghị rà soát thực trạng, đề xuất nhu cầu đầu tư trụ sở làm việc các cơ quan THADS địa phương			Tổng cục Thi hành án dân sự và các đơn vị liên quan	
3	Văn bản đề nghị rà soát thực trạng, đề xuất nhu cầu đầu tư hoạt động, dự án ứng dụng CNTT			Cục CNTT và các đơn vị liên quan	
II	Tổ chức rà soát đánh giá thực trạng đầu tư cơ sở vật chất và đề xuất nhu cầu đầu tư giai đoạn 2026-2030				
1	Rà soát, đánh giá thực trạng đầu tư cơ sở vật chất khối các đơn vị thuộc Bộ, tổ chức kiểm tra nếu cần thiết	Hoàn thành trước 15/6/2024	Cục KHTC	Các đơn vị thuộc Bộ	Biểu tổng hợp thông tin thực trạng
	Tổng hợp nhu cầu đầu tư các đơn vị thuộc Bộ	Hoàn thành trước 30/7/2024			Biểu tổng hợp thông tin nhu cầu đầu tư
2	Rà soát, đánh giá thực trạng đầu tư cơ sở vật chất khối các cơ quan THADS địa phương	Hoàn thành trước 15/6/2024	Tổng cục THADS	Cục KHTC Cục/Chi cục	Biểu tổng hợp thông tin thực trạng

	Rà soát nhu cầu và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất các cơ quan THADS địa phương trong giai đoạn 2026-2030	Hoàn thành trước 15/7/2024		THADS địa phương	Biểu tổng hợp thông tin nhu cầu đầu tư
	Kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và nhu cầu các cơ quan THADS địa phương	Thực hiện cùng việc rà soát nhu cầu và trong quá trình thẩm định chi tiết			Biểu kết quả kiểm tra, khảo sát/ Biên bản
	Tổng hợp nhu cầu đầu tư khối cơ quan THADS	Hoàn thành trước 30/7/2024	Tổng cục THADS		Biểu tổng hợp nhu cầu, có đầy đủ thông số
3	Tổng kết, đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án CNTT GD 2021-2025	Hoàn thành trước 01/6/2024	Cục CNTT	Cục Kế hoạch - Tài chính Các Chủ đầu tư dự án CNTT GD 2021-2025	Báo cáo
	Rà soát thực trạng, tổng hợp nhu cầu đầu tư các hoạt động, dự án CNTT GD 2026-2030	Hoàn thành trước 15/7/2024	Cục CNTT	Các đơn vị thuộc Bộ	Biểu tổng hợp
	Tổng hợp nhu cầu, đề xuất các phương án triển khai các dự án CNTT GD 2026-2030	Hoàn thành trước 15/7/2024	Cục CNTT	Các đơn vị thuộc Bộ	Biểu tổng hợp
4	Tổng hợp chung nhu cầu đầu tư của Bộ Tư pháp GD 2026-2030, Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp	Hoàn thành trước 15/8/2024	Cục KHTC	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo + Bảng tổng hợp thực trạng, nhu cầu
III	Tổ chức đánh giá tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				

1	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 khối cơ quan THADS	Hoàn thành trước 30/7/2024	Tổng cục THADS Cục KHTC	Các cơ quan THADS địa phương	Báo cáo
2	Tổ chức hội thảo đánh giá khó khăn, vướng mắc, kết quả đạt được GD 2021-2025 và hướng dẫn, đề xuất cách thức triển khai Kế hoạch ĐTC trung hạn GD 2026-2030	Hoàn thành trước 15/8/2024	Cục KHTC	Các đơn vị có liên quan	Hội nghị/ Hội thảo
3	Báo cáo tổng thể đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp (Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp)	Hoàn thành trước 30/11/2024, phát hành cùng thời điểm đề xuất KH ĐTC trung hạn 2026-2030	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan	Báo cáo
IV	Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp				
1	Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn chương trình, dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp)	Trước 01/9/2024, thực hiện sau khi báo cáo tổng hợp nhu cầu đầu tư 2026-2030	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan	Báo cáo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên
2	Sắp xếp, phân bổ danh mục, mức vốn các chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên và nguồn lực NSNN	Hoàn thành trước 30/9/2024	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan	Danh mục và các thông tin
3	Kiểm tra, khảo sát thực tế bổ sung đánh giá tình khả thi các dự án đưa vào trung hạn 2026-2030 (nếu cần thiết)	Hoàn thành trước 15/12/2024	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan	Báo cáo/biên bản

4	Xây dựng nội dung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp)	Hoàn thành trước 30/12/2024	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan	Công văn/Báo cáo
5	Gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để thẩm định	Hoàn thành trước 30/01/2025	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan	Công văn/Báo cáo và các bảng biểu
V	Hoàn thiện các cơ sở pháp lý, hoàn thiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án, đề án				
1	Xây dựng văn bản hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Chủ trương đầu tư	Hoàn thành trước 30/12/2024	Cục KHTC		Công văn
2	Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Chủ trương đầu tư	Hoàn thành trước 30/3/2025	Các chủ trương trình, đề án, dự án		Báo cáo
3	Thẩm định sơ bộ chủ trương đầu tư đối với các dự án khối cơ quan THADS địa phương	Hoàn thành trước 30/4/2025	Tổng cục THADS	Chủ đầu tư dự án	Báo cáo thẩm định sơ bộ
	Thẩm định sơ bộ chủ trương đầu tư đối với các dự án CNTT	Hoàn thành trước 30/4/2025	Cục CNTT	Chủ đầu tư dự án	Báo cáo thẩm định sơ bộ
4	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án, đề án mới	Hoàn thành trước 30/5/2025	Cục KHTC	Chủ đầu tư dự án, TC THADS, Cục CNTT	Báo cáo/Công văn
5	Tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư	Hoàn thành trước 30/5/2025	Cục KHTC	Chủ đầu tư dự án, TC THADS, Cục CNTT	Báo cáo/Công văn

6	Xem xét, chấp thuận Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Tư pháp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án (Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp)	Hoàn thành trước 30/6/2025	Cục KHTC	Tổng cục THADS và các chủ trương trình, dự án	Báo cáo/Văn bản
VII	Trình cấp có thẩm quyền thẩm định				
1	Gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để thẩm định	Hoàn thành trước 30/6/2025	Cục KHTC	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2026-2030
2	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định	Theo quy định	Cục KHTC	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo/Văn bản
3	Hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo ý kiến thẩm định trình tổng hợp chung vào Kế hoạch đầu tư công quốc gia	Theo quy định	Cục KHTC	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo/Văn bản

Ghi chú:

Nội dung, quy trình, thủ tục và thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 được cập nhật theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ RÀ SOÁT THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY

Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-BTP ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2026-2030 của Bộ Tư pháp; Trên cơ sở thực tiễn triển khai, các khó khăn vướng mắc về địa điểm xây dựng các dự án khởi công mới trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Lãnh đạo Bộ Tư pháp đã ban hành “Công văn số 2220/BTP-KHTC ngày 03/5/2024 về việc rà soát thực trạng, đề xuất nhu cầu và chuẩn bị các điều kiện lập Kế hoạch ĐTC trung hạn 2026-2030”, cụ thể các nhiệm vụ như sau:

1. Đối với Cục Thi hành án dân sự địa phương là Chủ đầu tư dự án giai đoạn 2021-2025

Đối với việc thực hiện dự án trong kỳ trung hạn 2021-2025, Chủ đầu tư thực hiện đánh giá các nội dung sau:

- *Khái quát quá trình triển khai dự án đến thời điểm báo cáo;*
- *Những hạn chế, khó khăn của Chủ đầu tư, của Cấp quyết định đầu tư (nếu có) trong quá trình triển khai dự án.*
- *Những hạn chế, khó khăn của chính quyền địa phương trong quá trình giới thiệu, chấp thuận địa điểm, thỏa thuận đấu nối hạ tầng; đền bù giải phóng mặt bằng....;*
- *Những hạn chế, khó khăn trong quá trình thẩm định dự án;*
- *Những hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai trên địa bàn 1 tỉnh, liên tỉnh và việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư;*
- *Đề xuất các giải pháp đối với Chủ đầu tư, với cấp quyết định đầu tư để giảm bớt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.*

2. Đối với Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự địa phương

a) Tổ chức rà soát thực trạng quản lý, đầu tư trụ sở làm việc, kho vật chứng các cơ quan THADS trên địa bàn (có hồ sơ chứng minh về địa điểm đất, thời gian khởi công, hoàn thành trụ sở làm việc, kho vật chứng) theo bảng biểu sau:

PHỤ LỤC 01: RÀ SOÁT THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ KHO VẬT CHỨNG

T T	Tên đơn vị	Số lượng biên chế tại thời điểm báo cáo		Địa điểm đất hiện đang sử dụng (m2)			THỰC TRẠNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC					THỰC TRẠNG KHO VẬT CHỨNG						Ghi chú		
		Biên chế được giao	Số người làm việc thực tế	Diện tích đất (m2)	Có giấy chứng nhận QSD đất	khuôn viên đất (rộng x chiều dài)	Diện tích sàn (m2)	Khởi công-Hoàn thành		Tình hình bảo trì			Kho vật chứng đã được đầu tư				Thuê kho vật chứng			
								Năm khởi công	Năm đưa vào sử dụng	Năm bảo trì	Nội dung bảo trì	Diện tích đất (m2)	Diện tích (m2)		Khởi công-Hoàn thành		Diện tích kho (m2)		Diện tích sân bãi (m2)	Kinh phí thuê/ 1 năm (tr.đ)
													Diện tích kho kín (m2)	Diện tích kho hở (m2)	Năm khởi công	Năm đưa vào sử dụng				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	TỈNH/ THÀNH PHỐ....																			
1	Cục THADS tỉnh/TP																			
2	Chi cục THADS TP, thị xã...																			
3	Chi cục THADS huyện...																			

Hướng dẫn lập biểu thực trạng

- Cột 1: Số liệu biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm báo cáo;
- Cột 2: Số liệu làm việc thực tế tại đơn vị (cả hợp đồng)
- Cột 3: Diện tích đất thực tế đơn vị đang được giao quản lý;
- Cột 4: Tích dấu x nếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Cột 5: Ghi rõ kích thước chiều rộng x chiều dài, đơn vị tính mét (trong trường hợp diện tích đất vuông vắn, ghi được)
- Cột 6: Ghi rõ diện tích sàn trụ sở làm việc đang sử dụng. Trường hợp trụ sở kết hợp kho vật chứng thì cần tách riêng diện tích trụ sở làm việc, kho vật chứng
- Cột 7: Năm thực tế khởi công dự án
- Cột 8: Ghi năm đưa vào sử dụng
- Cột 9: Ghi năm được bảo trì trụ sở làm việc
- Cột 10: Ghi tóm tắt các nội dung bảo trì;
- Cột 11: Ghi rõ diện tích đất được xây kho vật chứng trong trường hợp kho vật chứng được đầu tư không nằm trong khuôn viên trụ sở hoặc xây theo cụm kho. Trường hợp hợp khối với công trình trụ sở thì ghi là Hợp khối.
- Cột 12: Ghi rõ diện tích kho vật chứng kín (kho kín)
- Cột 13: Ghi rõ diện tích kho hở
- Cột 14: Ghi năm đưa vào sử dụng
- Cột 15: Năm đưa vào sử dụng
- Cột 16: Diện tích kho đang đi thuê năm liền kề thời điểm báo cáo
- Cột 17: Diện tích sân bãi đang đi thuê năm liền kề thời điểm báo cáo
- Cột 18: Kinh phí đi thuê kho vật chứng năm liền kề thời điểm báo cáo;
- Cột 19: Đánh giá sơ bộ về thực trạng trụ sở làm việc, kho vật chứng so với nhu cầu.

VII. SƠ BỘ KẾT QUẢ RÀ SOÁT THỰC TRẠNG CƠ QUAN THADS ĐỊA PHƯƠNG

Hiện nay, đã có 63/63 Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố gửi hồ sơ rà soát thực trạng về Tổng cục Thi hành án dân sự (một số đơn vị gửi chậm so với thời hạn ngày 15/6/2024, cá biệt có Cục THADS thành phố Hà Nội, đến ngày 24/7/2024 mới gửi Báo cáo về Bộ), một số đơn vị không tuân thủ chế độ gửi đồng thời về Tổng cục Thi hành án dân sự và Cục Kế hoạch - Tài chính như yêu cầu tại Công văn số 2220/BTP-KHTC ngày 03/5/2024.

Qua sơ bộ rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, so sánh với diện tích làm việc tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20/01/2020 của Bộ Tư pháp “Quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu cơ bản đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương” thì:

1. Về Trụ sở làm việc

- Đối với cấp Cục Thi hành án dân sự: Có 01⁶/63 Cục còn thiếu trên 50% diện tích làm việc theo tiêu chuẩn (số liệu đã bao gồm các Cục THADS tỉnh Hà Giang⁷, Tiền Giang đã có kế hoạch đầu tư xây dựng trong kỳ 2021-2025 được duyệt).

- Đối với cấp Chi Cục Thi hành án dân sự: Có 289/704, tương đương 41% đơn vị còn thiếu trên 50% diện tích làm việc theo tiêu chuẩn hoặc vào diện phải di dời theo yêu cầu của địa phương (số liệu đã bao gồm các đơn vị đã có kế hoạch đầu tư xây dựng trong kỳ 2021-2025 được duyệt).

2. Về Kho vật chứng

- Đối với cấp Cục Thi hành án dân sự: Có 63/63 Cục đã được đầu tư xây dựng Kho vật chứng (số liệu đã tính đến Cục THADS tỉnh Hà Giang⁸, Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh đã có kế hoạch đầu tư xây dựng trong kỳ 2021-2025). Riêng Cục THADS thành phố Hà Nội đã được đầu tư xây dựng Cụm kho

⁶ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

⁷ Cục THADS tỉnh Hà Giang dự kiến không kịp đầu tư trong kỳ trung hạn 2021-2025 theo báo cáo của Tổng cục Thi hành án dân sự (cấp quyết định đầu tư).

⁸ Cục THADS tỉnh Hà Giang dự kiến không kịp đầu tư trong kỳ trung hạn 2021-2025 theo báo cáo của Tổng cục Thi hành án dân sự (cấp quyết định đầu tư).

vật chứng với Chi cục THADS quận Cầu Giấy nhưng Kho Cục còn thiếu diện tích so với 3.660 m² được Bộ Tài chính chấp thuận diện tích đặc thù.

- Đối với cấp Chi Cục Thi hành án dân sự: Có 360/704, tương đương 51% đơn vị chưa được đầu tư xây dựng Kho vật chứng (số liệu đã bao gồm các đơn vị đã có kế hoạch đầu tư xây dựng trong kỳ 2021-2025).

VIII. ĐỀ XUẤT NHU CẦU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Dự kiến khối lượng chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030

a) Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được giao

Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 với tổng số vốn ngân sách nhà nước giao là **3.580.500** triệu đồng và giao bổ sung tại Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 cho 01 dự án công nghệ thông tin (dự án Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý) với số vốn là **99.000** triệu đồng. Phân chia theo các nội dung như sau:

TT	Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn	Số tiền (tr.đ)
1	Công nghệ thông tin	349.000
2	Kho tàng	43.281
3	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	885.163
4	Quản lý nhà nước	2.402.056
	Tổng cộng	3.679.500

b) Trên cơ sở số liệu phân bổ Kế hoạch vốn 2021 đến 2024, dự kiến số liệu phân bổ kế hoạch vốn năm 2025⁹; Số liệu dự án đã quyết toán dự án hoàn thành (hầu hết đã được phân bổ 100% kế hoạch vốn theo công nợ dự án được duyệt); Số liệu dự án dự kiến chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 thì tổng số liệu dự kiến chuyển tiếp là **1.340.176 triệu đồng của 122 dự án**, 79 dự án thuộc kỳ trung hạn 2016-2020 và 43¹⁰ dự án thuộc kỳ trung hạn 2021-2025.

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 55, Luật Đầu tư công năm 2019 thì “Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công

⁹ Công văn 4225/BTP-KHTC ngày 29/7/2024

¹⁰ Chưa tính giảm các dự án dự kiến không kịp triển khai trong kỳ trung hạn 2021-2025.

trung hạn giai đoạn sau với tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước”. Như vậy, Tổng số vốn dự kiến dành cho các dự án khởi công mới trong kỳ 2026-2030 (bao gồm cả các dự án khởi cơ quan Bộ, các dự án Công nghệ thông tin, chuyển đổi số; các dự án Cơ quan THADS địa phương) khoảng **2.339.324 triệu đồng**, tương đương với số vốn dành cho các dự án khởi công mới trong kỳ 2021-2025.

2. Sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương

Trên cơ sở biên chế được giao năm 2024; dự kiến, định hướng giao biên chế các năm tiếp theo; số lượng vụ việc trung bình 3 năm liền kề; quy mô diện tích theo quy định tại Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20/1/2020 của Bộ Tư pháp để đánh giá sự cần thiết, khách quan; sắp xếp thứ tự ưu tiên, đề xuất nhu cầu đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan THADS trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 như sau:

- *Nhóm I: Các đơn vị chưa có trụ sở làm việc riêng, chưa được đầu tư xây dựng từ trước đến nay hoặc trụ sở làm việc nằm trong quy hoạch phải thu hồi, giải phóng mặt bằng của địa phương (có hồ sơ, văn bản chứng minh kèm theo)..*

- *Nhóm II: Các đơn vị thiếu trên 50% diện tích làm việc hoặc đã xây dựng trước năm 2005 có số lượng vụ việc trung bình hàng năm phải thực hiện trên 1.000 vụ việc.*

- *Nhóm III: Các đơn vị thiếu trên 50% diện tích làm việc hoặc đã xây dựng trước năm 2005 có số lượng vụ việc trung bình hàng năm phải thực hiện dưới 1.000 vụ việc*

- *Nhóm IV: Các đơn vị thiếu trên 30% diện tích làm việc.*

- *Nhóm V: Các đơn vị còn lại, thiếu diện tích làm việc cần cải tạo, mở rộng, chưa có kho vật chứng, cần đầu tư thêm để đảm bảo công năng hoạt động.*

Các Cục Thi hành án dân sự địa phương sắp xếp thứ tự ưu tiên như trên, sắp xếp vào biểu dưới đây:

DANH MỤC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2026-2030

(Kèm theo Công văn số 2220 /BTP-KHTC ngày 03 tháng 5 năm 2024)

TT	Tên dự án	Thực trạng hoạt động của đơn vị		Khu đất, Trụ sở hiện đang sử dụng của đơn vị						Thực trạng vị trí đất mới được giới thiệu									Ghi chú
		Số lượng biên chế, hợp đồng được giao năm 2024		Số việc TB 3 năm 21-23	Số tầng	năm đưa vào sử dụng	Diện tích sàn	Diện tích đất hiện trạng	Quy hoạch khu đất hiện trạng	Hiện trạng đất				Dự kiến chi phí liên quan trong việc đầu tư xây dựng					
		Biên chế	Hợp đồng							Đã được giao đất, cấp đất (m2)	Giới thiệu, chấp thuận địa điểm (m2)	Hiện trạng sử dụng đất	QH mục đích sử dụng đất hiện nay và dự kiến điều chỉnh	TMĐT đề xuất	Dự kiến chi phí GPMB, tái định cư (nếu có)	Dự kiến chi phí san lấp mặt bằng (nếu có)	Dự kiến chi phí kê chắn đất (nếu có)	Dự kiến chi phí gia cố nền móng công trình	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Nhóm ưu tiên đặc biệt																		
1	Xây mới/ Cải tạo, mở rộng...trụ sở Cục/Chi cục THADS tỉnh/huyện.....																		
2	Xây mới/ Cải tạo, mở rộng...trụ sở Cục/Chi cục THADS tỉnh/huyện.....																		
II	Nhóm I/ II/ III/ IV																		
1	Xây mới/ Cải tạo, mở rộng...trụ sở Cục/Chi cục THADS tỉnh/huyện.....																		
2	Xây mới/ Cải tạo, mở rộng...trụ sở Cục/Chi cục THADS tỉnh/huyện.....																		

Hướng dẫn kê khai

- Cột 10: ghi rõ quy hoạch của địa phương về khu đất đang sử dụng để có thể đề xuất cải tạo, mở rộng trụ sở hoặc xây dựng mới tại chỗ
- Cột 13: Kê khai hiện trạng đang sử dụng của khu đất: đất đang trồng lúa, trồng cây lâu năm, đất ao, đất hồ, đất đang có trụ sở sử dụng.....
- Cột 14: Kê khai số Quyết định phê duyệt quy hoạch hiện có, mục đích sử dụng đất hiện trong quy hoạch, dự kiến quy hoạch điều chỉnh (nếu có)
- Cột 15: Tính toán sơ bộ tổng mức đầu tư của từng công trình.
- Cột 15: Đối với những đơn vị đề xuất xây mới tại chỗ cần ghi chú, làm rõ được các chỉ tiêu quy hoạch của khu đất, khu đất phải đảm bảo các thông số về diện tích, chiều rộng mặt tiền và quy hoạch tổng thể về khu hành chính, về định hướng các đơn vị hành chính của địa phương

3. Kết quả rà soát sơ bộ nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất các cơ quan THADS địa phương giai đoạn 2026-2030

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị THADS địa phương và rà soát sơ bộ của Tổng cục Thi hành án dân sự, nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất các cơ quan THADS địa phương giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Đối với cấp Cục Thi hành án dân sự: Có **11 Cục THADS** đề nghị xây dựng mới trụ sở, cụm kho vật chứng hoặc Kho vật chứng. Tuy nhiên, qua rà soát sơ bộ thì thấy nhiều đơn vị đề xuất thiếu cơ sở¹¹.

- Đối với cấp Chi Cục Thi hành án dân sự: Có **228 đơn vị cấp Chi cục** đề nghị xây dựng trụ sở, kho vật chứng (số liệu sau khi đã rà soát). Trong đó có khoảng hơn 20 đơn vị xếp vào nhóm I, còn lại cơ bản là nhóm II, III, có một số đơn vị đề xuất xây dựng Kho vật chứng.

4. Một số lưu ý, định hướng trong quá trình xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

4.1 Về cách thức tổ chức dự án:

Tiếp tục mô hình tổ chức dự án bao gồm các công trình trên địa bàn 1 tỉnh thành 1 dự án, không tổ chức dự án liên tỉnh.

Tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư đồng bộ từng công trình, đơn vị và cố gắng đầu tư cơ bản trên địa bàn từng tỉnh. Việc đầu tư đồng bộ từng công trình trụ sở bao gồm các hạng mục sau:

- Trụ sở làm việc.
- Kho vật chứng.
- Nhà bảo vệ.
- Hạ tầng kỹ thuật, công tường rào, sân nền, cây xanh.
- Nhà để xe máy, gara ô tô (nếu có).
- Cột cờ.

4.2 Về Chủ đầu tư:

Tiếp tục giao Cục THADS tỉnh làm Chủ đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên các đơn vị hiện đang không vướng nhiệm vụ Chủ đầu tư hoặc cơ bản đã xong các nhiệm vụ Chủ đầu tư.

¹¹ Như Cục Cần Thơ, Cục Nghệ An, Cục Điện Biên đề nghị cải tạo, mở rộng; xây kho vật chứng.

Hạn chế tối đa việc đề xuất cải tạo, mở rộng các trụ sở đã cũ (như Huyện Gò Quao, Kiên Giang xây dựng năm 2001, diện tích sàn 150 m², thiếu khoảng 78%, khuôn viên đất 665 m²; huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xây dựng năm 2003, diện tích sàn 251 m², thiếu khoảng 60%, diện tích đất chỉ có 246 m²; huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xây dựng năm 1999, diện tích sàn 163 m², thiếu khoảng 76%, chưa được đầu tư kho diện tích đất chỉ có 841 m²).

5. Các yêu cầu cơ bản về địa điểm dự kiến xây dựng mới cơ quan THADS địa phương

Trên cơ sở thứ tự ưu tiên đầu tư như trên, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự làm việc trực tiếp với chính quyền địa phương để tiến hành các thủ tục giới thiệu, chấp thuận địa điểm, giao đất, cấp đất để triển khai dự án, chú ý các yêu cầu cơ bản như sau:

- *Về quy mô diện tích đất:* Theo định hướng diện tích đất để xây dựng trụ sở làm việc Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh) từ 3.000 - 5.000 m², chiều rộng mặt tiền khu đất từ 40m trở lên; Chi cục THADS cấp huyện khoảng 1.500 - 2.500 m², chiều rộng mặt tiền khu đất từ 30m trở lên.

- *Về địa điểm xây dựng:* Phải thuận lợi trong việc kết nối giao thông, phù hợp với **quy hoạch xây dựng trụ sở cơ quan** (nếu chưa phù hợp phải khẩn trương đề xuất để địa phương điều chỉnh quy hoạch); phù hợp tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của địa phương (*hạn chế đầu tư ở khu vực chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chưa phù hợp mục đích xây dựng trụ sở cơ quan; chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật giao thông, điện hạ thế, nước sạch, khu vực gần nghĩa địa, khu vực ao hồ, phải tổ chức kê đá, san lấp khối lượng lớn...*).

- *Về địa hình, địa thế đất:* Phải xem xét, đánh giá kỹ về cơ cấu diện tích, hình dạng, địa hình, địa thế khu đất đảm bảo dễ tiếp cận và bố trí công trình trang nghiêm, bề thế. Đặc biệt quan tâm về nguồn gốc đất, tính khả thi của việc giải phóng mặt bằng.

- *Kinh phí giải phóng mặt bằng, kinh phí đầu tư hạ tầng (san nền, kê đá, giải pháp gia cố móng...):* Dự trù kinh phí giải phóng mặt bằng và kinh phí đầu tư cho san lấp mặt bằng, kê đá, chi phí gia cố nền đất.....đảm bảo phù hợp và khả thi với nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Chú ý: báo cáo về địa điểm xây dựng cần nêu rõ các nội dung sau: diện tích đất, hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch hiện tại của khu đất, các công trình lân cận và dự trù tổng mức đầu tư cho đơn vị kèm theo hồ sơ chứng minh.

6. Hướng dẫn xác định Quy mô đầu tư

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng trụ sở và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, việc xác định quy mô đầu tư được căn cứ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp¹² ban hành “Quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu cơ bản đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương” và các quy định, tiêu chuẩn, định mức của pháp luật quy định¹³.

b) Việc xác định cụ thể diện tích theo chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích sử dụng chung tăng thêm, diện tích đặc thù, chuyên dùng được tính toán trên cơ sở nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

BẢNG XÁC ĐỊNH QUY MÔ DIỆN TÍCH TỐI ĐA
Trụ sở Cục Thi hành án dân sự tỉnh

TT	Nội dung	Diện tích tính toán			Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Diện tích (m2)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
A. TRỤ SỞ LÀM VIỆC				I+II+III+IV+V	
I	Diện tích làm việc theo chức danh				
1	Cục trưởng	1	25 m ²		<i>Phụ lục số II Nghị định số 152/2017/NĐ-CP</i>
2	Phó Cục trưởng	15 m ²		
3	Trưởng phòng, phó trưởng phòng và các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 trở xuống	12 m ²		
4	Chuyên viên và các chức danh tương đương	10 m ²		
5	Cán sự, nhân viên và cá nhân ký hợp đồng không xác định thời hạn trực tiếp làm các công việc theo quy định của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước	7 m ²		
II	Diện tích sử dụng chung			<55%*I	
1	Diện tích sử dụng chung (tối đa là 50% của I)	I	<50%	<50%*I	<i>Điều 6 ND 152/2017/NĐ-CP</i>
1.1	Phòng truyền thống	1	Tối đa 30m2		<i>Theo quy định</i>

¹² Quyết định hiện đang thực hiện là Quyết định 96/QĐ-BTP ngày 20/01/2020.

¹³ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

TT	Nội dung	Diện tích tính toán			Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Diện tích (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
1.2	Kho tạp vụ	1	Tối đa 20m ²		tại Phụ lục số 02, Quyết định số 96/QĐ-BTP
1.3	Sảnh chính, phụ, hành lang, vệ sinh	1			
2	Diện tích sử dụng chung tầng thêm tối đa theo thẩm quyền của người quyết định đầu tư (nhỏ hơn 10% của II.1)	50%*I	<10,0%	<5%*I	Điều 6 NB 152/2017/NĐ-CP
III	Diện tích chuyên dùng				> 1000 vụ
1	Khu vực hành chính 01 cửa	1	30-60 m ²		Theo quy định tại Phụ lục số 03, Quyết định số 96/QĐ-BTP
2	Phòng tiếp đưong sự	1	30-60 m ²		
3	Phòng giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	20-30 m ²		
4	Kho lưu trữ hồ sơ THADS	1	100-150 m ²		
5	Phòng kỹ thuật, quản trị hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống camera	1	30 m ²		
6	Phòng Chỉ đạo Thi hành án dân sự kết hợp hội trường trên 100 chỗ	1	100-200 m ²		
IV	Diện tích khác theo tiêu chuẩn				
1	Cầu thang bộ (02 thang theo Quy chuẩn PCCC), mỗi thang dự kiến 24 (4x6) m ² . Số tầng theo dự kiến thiết kế sơ bộ	2	24 x số tầng	2*24*số tầng	Diện tích thực tế xác định theo Phương án thiết kế sơ bộ được chấp thuận
2	Diện tích thang máy (nếu có)	1	3*3 (dự kiến)		
V	Diện tích chiếm chỗ của kết cấu (10% - 15%* (I+II+III +IV))		10%-15%		
B. CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ					
1	Diện tích nhà để xe máy				
a	Diện tích để xe máy	Số biên chế	3 m ² / 1 vị trí	biên chế * 3	
b	Diện tích để xe máy cho khách (tối đa 50% của a)		50%	50%*a	Tạm tính
2	Gara ô tô	Số xe	25 m ² /1 xe		SL xe theo tiêu chuẩn
3	Nhà bảo vệ	1	15-20 m ²	15-20 m ²	
C. KHO VẬT CHỨNG					
I	Kho kín				Việc xác định diện tích kho vật chứng theo quy định tại phụ lục số 5 QĐ 96/QĐ-BTP
1	Phòng làm việc kho	1	20 m ²	20	
2	Kho bảo quản vật chứng đặc biệt	1	20-80 m ²	20-80 m ²	
3	Kho bảo quản VC kích thước vừa	1	100-250 m ²	100-250 m ²	
II	Kho hở				
1	Kho hở để vật chứng công kenh	1	80-200 m ²	80-200 m ²	
III	Sân bãi				
1	Sân bãi để vật chứng không để được trong kho		150-300 m ²	150-300 m ²	

BẢNG XÁC ĐỊNH QUY MÔ DIỆN TÍCH TỐI ĐA
Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện

TT	Nội dung	Diện tích tính toán			Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Diện tích (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
A. TRỤ SỞ LÀM VIỆC				I+II+III+IV+V	
I	Diện tích làm việc theo chức danh				
1	Chi Cục trưởng	1	12 m ²		<i>Phụ lục II NĐ 152/2017/NĐ-CP</i>
2	Phó Chi cục trưởng	12 m ²		
3	Các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 trở xuống	12 m ²		
4	Chuyên viên và các chức danh tương đương	10 m ²		
5	Cán sự, nhân viên và các cá nhân ký hợp đồng không xác định thời hạn trực tiếp làm các công việc theo quy định của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp	7 m ²		
II	Diện tích sử dụng chung			<55%*I	
1	Diện tích sử dụng chung quy định tại Nghị định 152/2017/NĐ-CP (tối đa là 50% của I)	I	<50%	<50%*I	<i>Điều 6 NĐ 152/2017/NĐ-CP</i>
1.1	Phòng truyền thống	1	Tối đa 30m ²		<i>Theo quy định tại Phụ lục số 02, Quyết định số 96/QĐ-BTP</i>
1.2	Kho tạp vụ	1	Tối đa 20m ²		
1.3	Sảnh chính, sảnh phụ, hành lang, vệ sinh	1			
2	Diện tích sử dụng chung tăng thêm tối đa theo thẩm quyền của người quyết định đầu tư (nhỏ hơn 10% của II.1)	50%*I	<10,0%	<5%*I	<i>Điều 6 NĐ 152/2017/NĐ-CP</i>
III	Diện tích chuyên dùng				> 1000 vụ
1	Khu vực hành chính 01 cửa	1	20-30 m ²		<i>Theo quy định tại Phụ lục số 03, Quyết định số 96/QĐ-BTP</i>
2	Phòng tiếp đưong sự	1	20-30 m ²		
3	Phòng giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	20-30 m ²		
4	Kho lưu trữ hồ sơ THADS	1	70-90 m ²		
5	Phòng kỹ thuật, quản trị hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống camera	1	20 m ²		
6	Phòng thường trực Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự	1	30-40 m ²		
IV	Diện tích khác theo tiêu chuẩn				
1	Cầu thang bộ (02 thang theo Quy chuẩn PCCC), mỗi thang dự kiến 24 (4x6) m ² . Số tầng theo dự kiến thiết kế sơ bộ	2	24 x số tầng	2*24*số tầng	<i>Diện tích dự kiến, diện tích thực tế xác định theo Phương án thiết kế sơ bộ được chấp thuận</i>
Diện tích chiếm chỗ của kết cấu			10% -15%		

TT	Nội dung	Diện tích tính toán			Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Diện tích (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
10%-15%*(I+II+III +IV)					
B. CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ					
1	Diện tích nhà để xe máy				
a	Diện tích để xe máy cho CB,CC,NLĐ	Số biên chế	3	biên chế * 3	
b	Diện tích để xe máy cho khách (tối đa 50% biên chế đơn vị)	a	50%	50%*a	Tạm tính
2	Gara ô tô	Số xe	25		Số lượng xe theo Quyết định tiêu chuẩn sử dụng xe
3	Nhà bảo vệ	1	15 m ²	15	
C. KHO VẬT CHỨNG					
I	Kho kín				<i>Việc xác định diện tích kho vật chứng theo quy định tại phụ lục số 5 QĐ 96/QĐ-BTP</i>
1	Phòng làm việc kho	1	20 m ²	20	
2	Kho bảo quản vật chứng đặc biệt	1	20-60 m ²	20-80 m ²	
3	Kho bảo quản vật chứng kích thước vừa	1	80-200 m ²	80-200 m ²	
II	Kho hở				
1	Kho hở để vật chứng công kênh	1	80-250 m ²	80-250 m ²	
III	Sân bãi				
1	Sân bãi để vật chứng không để được trong kho		100-250 m ²	100-250 m ²	

7. Hướng dẫn xác định sơ bộ Tổng mức đầu tư

Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án. Nội dung sơ bộ tổng mức đầu tư, gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.

Trên cơ sở quy mô các hạng mục công trình và suất vốn đầu tư xây dựng hoặc dữ liệu chi phí của các dự án tương tự về loại, cấp công trình, quy mô, đã hoặc đang thực hiện, có sự phân tích, đánh giá để điều chỉnh quy đổi về mặt bằng giá thị trường phù hợp với địa điểm xây dựng, bổ sung những chi phí cần thiết khác của dự án để từ đó xác định sơ bộ tổng mức đầu tư.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG - THIẾT BỊ

Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện.....

đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị đề nghị				Ghi chú
			Cách tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
			1	2	3	4=2*3	5
	Trụ sở Chi cục THADS huyện						
I	Chi phí xây dựng						
1	Nhà làm việc	m2	hệ số KV	diện tích sàn	Suất đầu tư	1*2*3	Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/05/2023 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Suất vốn đầu tư công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022
2	Kho vật chứng kín			diện tích sàn	Suất đầu tư	2*3	
3	Kho vật chứng hở	m2		diện tích sàn	Suất đầu tư	2*3	
4	Nhà để xe máy, ô tô	m2	tạm tính	diện tích	2.000.000-2.500.000/1 m2	2*3	
5	Nhà bảo vệ	m2	tạm tính	diện tích nhà bảo vệ	6.000.000 - 7.500.000/1 m2	2*3	
6	Cổng	cái	tạm tính		80.000.000 120.000.000/1m2	2*3	
7	Tường rào	m dài	tạm tính	Chiều dài	2.500.000-3.500.000/1 m dài	2*3	
8	Kè đá	m dài	tạm tính	Chiều dài	giá trị/1 m dài	2*3	
Công trình hạ tầng kỹ thuật							
1	Phần điện mạng ngoài	ht	tạm tính			150.000.000-200.000.000	
2	Phần san nền	m3		khối lượng san	kinh phí 1m3	2*3	bao gồm cả vận chuyển
3	Phần sân đường	ht		diện tích sân	350.000-450.000/1 m2	2*3	
4	Phần cấp nước	ht	tạm tính			1000.000.000 - 150.000.000	
5	Phần thoát nước ngoài nhà	ht	tạm tính			70.000.000 - 100.000.000	

6	Cột cờ	ht	tạm tính			50.000.000-70.000.000	
7	Cây xanh	ht	tạm tính			50.000.000-70.000.000	
8	Hệ thống thông tin liên lạc, camera an ninh	ht	tạm tính			50.000.000-70.000.000	
II	Chi phí thiết bị						
1	Hệ thống điều hòa không khí	ht	hệ số KV 4 (1,087)	diện tích sàn	suất đầu tư	1*2*3	Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/05/2023 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Suất vốn đầu tư công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022
	Máy phát điện diezen (nếu có)						
	Máy bơm nước sinh hoạt						
	Máy bơm chìm (nếu có)						
	Hệ thống lọc nước sinh hoạt						
Hệ thống bảng biểu							
2	Trang thiết bị đồ gỗ các phòng sử dụng chung.	ht	tạm tính	1,0	khoảng 250.000.000		
3	Giá kệ, tủ cụm kho vật chứng	ht	tạm tính	1,0	khoảng 70.000.000		
4	Rèm cửa các mặt chịu nắng	ht	tạm tính	1,0	50.000.000-70.000.000		

BẢNG SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Dự án: Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện.....**

đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Phương pháp tính	Giá trị	Ghi chú
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (Ggpm)	Lấy theo công trình tương tự hoặc tham khảo chính quyền địa phương	I	
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)	Theo chi tiết chi phí xây dựng	II	
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Gtb)	Theo chi tiết chi phí thiết bị	III	
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gqla)	Theo quy định của pháp luật	Khoảng 2,5%*(I+II)/1,1	Quy định tại TT 11/2021/TT-BXD thì 3 chi phí này không được lớn hơn 15% (XD+TB)
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Gtvxd)	Theo quy định của pháp luật	Khoảng 7-9%*(II+III)	
VI	CHI PHÍ KHÁC (Gk)	Theo quy định của pháp luật	Khoảng 1,5%*(II+III)	
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)		VIII	
1	Cho yếu tố khối lượng phát sinh	10%	(II+III+IV+V+VI)	
2	Cho do yếu tố trượt giá	2-3%		
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (I+II+III+IV+V+VI+VII)			

IX. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CÔNG TÁC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Theo quy định tại Điều 31, Luật Đầu tư công năm 2019 về nội dung chủ yếu của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C bao gồm:

a) Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

c) Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

d) Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

e) Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

f) Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

g) Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

h) Giải pháp tổ chức thực hiện.

Mẫu báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xem tại mẫu số 04, Phụ lục II, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án (mẫu 05, Phụ lục số II, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C theo quy định.

- Các tài liệu liên quan khác, bao gồm:

- Văn bản giới thiệu địa điểm (bắt buộc có) hoặc văn bản chấp thuận địa điểm xây dựng, các hồ sơ, giấy tờ khác liên quan đến địa điểm xây dựng (nếu có);

- Bản đồ đo đạc, trích lục hiện trạng khu đất; Bản đồ đo vẽ địa hình (nếu có);

- Quyết định quy hoạch xây dựng của khu đất (1/500; 1/2000); Quyết định điều chỉnh quy hoạch xây dựng (nếu có);

- Hình ảnh hiện trạng khu đất, hạ tầng kỹ thuật, các công trình xung quanh; video quay (nếu có);

- Hồ sơ, tài liệu để sơ bộ xác định chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (của các công trình xung quanh, tương tự trong khu vực);

- Các hồ sơ khác để sơ bộ xác định Tổng mức đầu tư

3. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

3.1 Thẩm quyền phê duyệt

Căn cứ quy định tại Khoản 5, Điều 17, Luật Đầu tư công năm 2019; căn cứ Điểm d, Khoản 1, Điều 9, Quyết định 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 Quyết định 496/QĐ-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp thì **Bộ trưởng Bộ Tư pháp** có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cơ quan, tổ chức mình quản lý

3.2 Thẩm quyền thẩm định

a) Tổng cục THADS để thẩm định sơ bộ chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 2, phần III của Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định 696/QĐ-BTP ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng Kế hoạch ĐTCTH giai đoạn 2026-2030 với các nội dung sau:

- Sự cần thiết đầu tư.

- Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư.

- Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

- Tính khả thi trong việc thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư so với tiến độ thực hiện dự án.

- Thống nhất hoặc không thống nhất với nội dung trình của Chủ đầu tư và cam kết trách nhiệm của Tổng cục trong việc chỉ đạo, hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện đúng tiến độ triển khai dự án sau khi được Lãnh đạo Bộ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư.

b) Trên cơ sở hồ sơ trình của Chủ đầu tư, báo cáo thẩm định sơ bộ của Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019.

CHUYÊN ĐỀ 3: HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG SỬ DỤNG DO BỘ TƯ PHÁP QUẢN LÝ

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Từ đầy đủ
Luật Đầu tư công	Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019
Luật Xây dựng	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020
BCNCKT	Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
BCKTKT	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Luật Phòng cháy và chữa cháy	Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013
Luật Bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020

I. TRÌNH TỰ TỔNG THỂ

Trình tự đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Xây dựng và quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trình tự đầu tư xây dựng bao gồm 03 giai đoạn gồm: Chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng. Các nhiệm vụ chính của từng giai đoạn được hệ thống và chi tiết như sau:

1. Giai đoạn chuẩn bị dự án

- a) Thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, vị trí, địa điểm xây dựng các công trình thuộc dự án;
 - a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;
 - b) Thông báo triển khai dự án;
 - c) Giao nhiệm vụ cho đầu mối triển khai dự án;
 - d) Đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách cho dự án đầu tư; mở tài khoản;
 - đ) Lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án;
 - e) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án, tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng để thực hiện;
 - g) Khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị dự án;
 - h) Tổ chức lập BCNCKT/BCKTKT:
 - Xác định, cập nhật thông tin quy hoạch;
 - Lập nhiệm vụ thiết kế;
 - Tổ chức lập phương án bố trí tổng mặt bằng và phương án thiết kế kiến trúc sơ bộ của dự án và báo cáo xin ý kiến cấp quyết định đầu tư;
 - Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (nếu cần)
 - Lập BCNCKT/BCKTKT;
 - + *Lập thiết kế cơ sở và hoàn thiện nội dung BCNCKT;*
 - + *Thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);*

+ Lấy ý kiến góp ý về phòng cháy chữa cháy (hoặc thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với dự án lập BCKTKT phải thẩm duyệt về PCCC).

- Thực hiện các thủ tục của pháp luật bảo vệ môi trường đối với dự án (nếu có) và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án.

i) Thẩm tra BCNCKT/BCKTKT (nếu có);

k) Thẩm định, phê duyệt BCNCKT/BCKTKT; điều chỉnh dự án.

2. Giai đoạn thực hiện dự án

a) Lựa chọn tổ chức tư vấn quản lý dự án

b) Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng (nếu có); giao đất, cấp đất

c) Khảo sát xây dựng giai đoạn thực hiện dự án (nếu có)

d) Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công);

đ) Quản lý hoạt động đấu thầu giai đoạn thực hiện dự án

e) Soạn thảo, ký kết và quản lý hợp đồng xây dựng

g) Chuẩn bị và thi công xây dựng công trình.

h) Quản lý thi công xây dựng công trình;

i) Giám sát và đánh giá đầu tư

k) Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình;

l) Bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng.

3. Giai đoạn kết thúc xây dựng

a) Bảo hành công trình xây dựng;

b) Quyết toán hợp đồng xây dựng;

c) Lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

d) Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

đ) Trình và thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

e) Giải quyết công nợ và tất toán tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản, thực hiện các công việc khác theo báo cáo thẩm tra và quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

II. TRÌNH TỰ CỤ THỂ

1. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án

1.1. Thời điểm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công, điều kiện để dự án được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn là phải được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Do đó, các dự án khởi công mới phải hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư trước khi phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn theo ổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ thông báo cho giai đoạn sau (chậm nhất trước 30/6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước).

1.2. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do Bộ, cơ quan trung ương quản lý;

- Bộ trưởng quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cơ quan, tổ chức mình quản lý.

1.3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Đầu tư công. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Tư pháp quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư công.

1.4. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư công. Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công.

1.5. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

1.6. Thông báo chủ trương đầu tư và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho dự án: Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tư pháp sẽ thông báo/hoặc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn cho dự án làm cơ sở để triển khai thực hiện. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao.

1.7. Sau khi có được thông báo chủ trương đầu tư và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án, chủ đầu tư có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương nơi xây dựng công trình đề được cung cấp thông tin chi tiết về đất đai (*quy hoạch sử dụng đất; nguồn gốc đất*), quy hoạch (*quy hoạch chung; quy hoạch phân khu; quy hoạch chi tiết*) và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố để có văn bản chấp thuận địa điểm theo thẩm quyền.

2. Thông báo triển khai dự án

2.1. Thông báo chủ trương triển khai dự án hàng năm

Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước của Bộ Tư pháp và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đã được Bộ trưởng phê duyệt, hàng năm, Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo chủ trương triển khai dự án khởi công mới năm kế hoạch để các chủ đầu tư biết, tổ chức rà soát, đánh giá, báo cáo điều kiện triển khai dự án và thực hiện công tác chuẩn bị dự án theo quy định của pháp luật và theo các mốc thời gian được hướng dẫn tại Văn bản này.

2.2. Rà soát, báo cáo điều kiện triển khai dự án

Căn cứ chủ trương đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án và thông báo chủ trương triển khai dự án hàng năm, chủ đầu tư tiếp tục rà soát, hoàn thiện các thủ tục giới thiệu, chấp thuận địa điểm xây dựng, rà soát lại các thông số có liên quan như: *Quy mô diện tích đất được cấp, thông tin quy hoạch, dự kiến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, hạ tầng kèm theo quy mô đầu tư các đơn vị, tổng mức đầu tư của dự án,...* để báo cáo Bộ điều kiện triển khai dự án. Đồng thời, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức công tác chuẩn bị dự án đảm bảo kế hoạch và các mốc thời gian để có thể hoàn thiện thủ tục đầu tư đủ điều kiện phân bổ và giao chi tiết kế hoạch vốn để thực hiện dự án năm kế hoạch.

Trường hợp dự án còn vướng mắc về đất đai, quy hoạch, nguồn vốn (*như chưa phù hợp về quy hoạch sử dụng đất; chưa phù hợp về quy hoạch xây dựng; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí san nền, chi phí gia cố nền móng dự kiến tăng cao không đảm bảo có khả năng vượt sơ bộ tổng mức đầu tư được duyệt,...*) không có khả năng thực hiện công tác chuẩn bị dự án trong năm để khởi công đúng kế hoạch, chủ đầu tư có văn bản báo cáo gửi đồng thời về cấp Quyết định đầu tư dự án theo phân cấp quản lý và về Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính)

để xem xét, báo cáo Bộ trưởng điều chỉnh kế hoạch, danh mục các dự án được thông báo triển khai trong năm (nếu cần thiết).

3. Giao nhiệm vụ đầu mỗi triển khai dự án

Chủ đầu tư giao cho phòng, ban chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập Tổ Công tác giúp chủ đầu tư làm đầu mỗi triển khai dự án. Trường hợp chủ đầu tư thành lập Tổ công tác làm đầu mỗi triển khai, Tổ công tác bao gồm ít nhất 05 thành viên có chuyên môn, vị trí công tác phù hợp với tính chất công việc, nhiệm vụ được phân công. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác và từng thành viên phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong quyết định thành lập nhằm đảm bảo thuận tiện trong quá trình thực hiện dự án, phù hợp với khả năng của từng người. Các thành viên trong Tổ công tác hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, kinh phí hoạt động của Tổ công tác được trích từ nguồn chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư của dự án. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán chi phí quản lý dự án.

Trong giai đoạn chuẩn bị dự án, chủ đầu tư được phép thuê các chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp thông qua hợp đồng khoán việc để tham gia Tổ Công tác thực hiện các nhiệm vụ của Tổ Công tác trong công tác chuẩn bị dự án.

4. Đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách; mở tài khoản dự án

Chủ đầu tư dự án đăng ký mã số đơn vị quan hệ ngân sách cho dự án đầu tư theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Chủ đầu tư đăng ký mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị đóng trụ sở chính theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

5. Lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án

Chủ đầu tư lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Chi phí chuẩn bị dự án được xác định trên cơ sở dự toán chi phí các nhiệm vụ chuẩn bị dự án. Chi phí các nhiệm vụ chuẩn bị dự án được xác định căn cứ vào chi tiết các khoản mục kinh phí trong sơ bộ tổng mức đầu tư (được xác định từ quy mô đầu tư xây dựng, các khoản mục chi phí; định mức dự toán, định mức tỷ lệ chi phí).

5.1. Quy mô đầu tư

Đối với các dự án đầu tư xây dựng trụ sở cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan thi hành án dân sự địa phương quy mô đầu tư được xác định trên cơ sở biên chế, nhu cầu, định hướng phát triển và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Đối với diện tích chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, Bộ Tư pháp lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản với Bộ Tài chính và ban hành¹⁴ công khai để áp dụng.

5.2. Sơ bộ tổng mức đầu tư

Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án. Nội dung sơ bộ tổng mức đầu tư, gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.

Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng được ước tính trên cơ sở quy mô xây dựng và suất vốn đầu tư xây dựng hoặc dữ liệu chi phí của các dự án tương tự về loại, cấp công trình, quy mô, tính chất của dự án đã hoặc đang thực hiện, có sự phân tích, đánh giá để điều chỉnh quy đổi về mặt bằng giá thị trường phù hợp với địa điểm xây dựng, bổ sung những chi phí cần thiết khác của dự án.

5.3. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án

Trên cơ sở sơ bộ tổng mức đầu tư được xác định theo hướng dẫn tại điểm 5.2 trên, chủ đầu tư lập dự toán chi phí chuẩn bị dự án cho các nhiệm vụ chuẩn bị dự án như: *Lập nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế; khảo sát xây dựng; lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm tra, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; lập quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng; thực hiện các thủ tục pháp luật bảo vệ môi trường; chi phí quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị dự án (kinh phí cho Tổ Công tác hoạt động); các công việc chuẩn bị dự án khác (nếu có) và chi phí dự phòng.*

¹⁴ Quyết định số 3056/BTP-KHTC ngày 10/12/2019 và Quyết định số 96/QĐ-BTP ngày 20/01/2020 của BTP;

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thẩm định dự toán chi phí chuẩn bị dự án trước khi phê duyệt. Dự toán chi phí chuẩn bị dự án¹⁵ được cập nhật vào tổng mức đầu tư của dự án.

6. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng để thực hiện

6.1. Chủ đầu tư tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 Luật Đấu thầu. Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Mẫu 02A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6.2. Chủ đầu tư giao cho một đơn vị trực thuộc thẩm định hoặc thành lập Tổ thẩm định để thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu giai đoạn chuẩn bị dự án trước khi phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu. Cá nhân thực hiện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nhiệm vụ được giao (không bao gồm tư vấn đấu thầu) không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Mẫu 02B, 02C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT.

6.3. Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, tuân thủ các quy định của pháp luật đấu thầu; thương thảo và ký kết hợp đồng để triển khai các nhiệm vụ chuẩn bị dự án theo kế hoạch.

Việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. Khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị dự án

Trình tự thực hiện khảo sát xây dựng chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Các nội dung liên quan đến khảo sát xây dựng (nhiệm vụ khảo sát, phương án khảo sát, quản lý công tác khảo sát, nội dung báo cáo kết quả khảo sát, phê

¹⁵ Biểu mẫu Dự toán chi phí chuẩn bị dự án tham khảo tại phần Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

duyet báo cáo kết quả khảo sát) thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27, 28, 29, 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

8. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

8.1. Xác định, cập nhật đầy đủ thông tin quy hoạch của các lô đất xây dựng công trình

Trong trường hợp khu vực xây dựng công trình có biến động, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, để thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án, chủ đầu tư có văn bản gửi cơ quan quản lý quy hoạch tại địa phương theo phân cấp để được cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin về quy hoạch của lô đất dự kiến xây dựng công trình (mật độ xây dựng; chiều cao tầng; hệ số sử dụng đất; chỉ giới đường đỏ; chỉ giới xây dựng; khoảng lùi,...), các căn cứ pháp lý liên quan và các thông tin khác (công trình hiện hữu; hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất,...) làm cơ sở để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

8.2. Lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng

Chủ đầu tư lập hoặc thuê tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng phải phù hợp với chủ trương đầu tư và là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng, lập thiết kế xây dựng. Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia góp ý hoặc thẩm tra nhiệm vụ thiết kế khi cần thiết. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế để đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình.

8.3. Tổ chức lập, cho ý kiến về phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ các công trình của dự án

a) Lập phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ

Trước khi lập BCNCKT/BCKTKT chủ đầu tư cần yêu cầu đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi nghiên cứu, đề xuất ít nhất 02 phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ gửi chủ đầu tư để xem xét, đánh giá, lựa chọn phương án tối ưu, phù hợp nhất. Phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ phải phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch của lô đất xây dựng, phù hợp với các yêu cầu cụ thể của Bộ Tư pháp về quy mô đầu tư, các yêu cầu thiết kế (yêu cầu đối với trụ sở, kho vật chứng cơ quan thi hành án dân sự)

Để tránh tình trạng hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được chủ đầu tư tổ chức lập và hoàn thiện khi trình cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư để thẩm định dự án vẫn còn nội dung không phù hợp với các quy định cụ thể của Bộ Tư pháp dẫn đến phải làm lại hoặc điều chỉnh, bổ sung kéo dài thời gian thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến người quyết định đầu tư làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo.

Hồ sơ báo cáo xin ý kiến cấp quyết định đầu tư về phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ gồm:

- Tờ trình xin ý kiến về phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ các công trình của dự án;

- Thuyết minh phương án thiết kế gồm các nội dung chính:

- + *Bảng tính quy mô đầu tư xây dựng;*

- + *Thuyết minh giải pháp thiết kế tổng mặt bằng, giải pháp thiết kế kiến trúc sơ bộ các công trình chính;*

- + *Thuyết minh định hướng giải pháp thiết kế áp dụng: Giải pháp thiết kế kết cấu; định hướng sử dụng vật liệu hoàn thiện; định hướng sử dụng trang thiết bị,...*

- Hồ sơ bản vẽ phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ chủ đầu tư đề xuất lựa chọn và xin ý kiến (kèm các phương án đối chứng).

- Các hồ sơ liên quan đến đất đai, quy hoạch (*văn bản giới thiệu, chấp thuận địa điểm xây dựng; quyết định giao đất, cấp đất; trích lục bản đồ vị trí địa điểm, thông tin quy hoạch do cơ quan chức năng có thẩm quyền cung cấp, hiện trạng khu đất*). Đối với công trình cải tạo, mở rộng, chủ đầu tư cung cấp bản vẽ hoàn công công trình hiện hữu; quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; giá trị tài sản còn lại; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

b) Xem xét cho xin ý kiến về phương án bố trí tổng mặt bằng và thiết kế kiến trúc sơ bộ của dự án của người quyết định đầu tư

- Việc xem xét cho ý kiến về bố trí tổng mặt bằng và phương án thiết kế kiến trúc sơ bộ do người quyết định đầu tư quyết định. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tham mưu, giúp người quyết định đầu tư xem xét, cho ý kiến cụ thể đối với Hồ sơ xin ý kiến do chủ đầu tư trình. Kết quả cho ý kiến phải thể hiện bằng văn bản, trong đó cần nêu rõ quan điểm

chấp thuận hay không chấp thuận; những nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa
chỉnh sửa (nếu có);

- Nội dung cho ý kiến: Có ý kiến cụ thể về các nội dung chủ đầu tư đề xuất
và các nội dung có liên quan đến dự án, trong đó ít nhất phải có ý kiến cụ thể về
03 nội dung: (i) Quy mô đầu tư xây dựng của dự án, quy mô các công trình
thuộc dự án; (ii) bố trí quy hoạch tổng mặt bằng các công trình của dự án; (3)
phương án thiết kế kiến trúc sơ bộ các công trình chính.

8.4. Lập quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng

Đối với những dự án, công trình nằm trong khu vực phải lập quy hoạch chi
tiết xây dựng để cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu thì chủ đầu tư
phải tổ chức lập quy hoạch chi tiết làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng và
triển khai các công việc khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Đối với các lô đất có quy mô nhỏ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số
35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng thì được lập quy
hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (*gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt
bằng*). Chi phí lập, thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo quy định
tại Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn
xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

8.5. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật

a) Khi đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải lập BCNCKT theo quy định tại
khoản 1 Điều 52 Luật Xây dựng. Việc lập BCNCKT phải tuân thủ quy định của
pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan. Nội dung BCNCKT thực hiện
theo quy định tại Điều 54 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12
Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

b) Trừ trường hợp người quyết định đầu tư có yêu cầu lập BCNCKT, dự án
đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số
15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ chỉ cần lập BCKTKT. Nội dung
BCKTKT thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Xây dựng.

c) Thỏa thuận, xác nhận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao
thông, chấp thuận về quản lý độ cao công trình xây dựng và thỏa thuận, xác nhận
về kết nối hạ tầng khác (nếu có).

Song song với quá trình lập thiết kế cơ sở, hoàn thiện nội dung BCNCKT, căn cứ vào quy mô, thông số kỹ thuật, nhu cầu sử dụng điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, đấu nối hạ tầng khác của dự án do đơn vị tư vấn Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tính toán, lựa chọn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chủ đầu tư có văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương để chấp thuận phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông nơi xây dựng công trình.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị quản lý, chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ BCNCKT theo quy định. Các khoản mục chi phí để thực hiện việc kết nối phải được tính toán, xác định trên cơ sở phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông và được đưa vào tổng mức đầu tư của dự án.

d) Lấy ý kiến góp ý về phòng cháy chữa cháy (hoặc thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với dự án lập BCKTKT phải thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy)

Chủ đầu tư thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của hồ sơ thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Hồ sơ lấy ý kiến theo mẫu quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 13 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Đối với các dự án chỉ phải lập BCKTKT, trường hợp dự án, công trình thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, thì phải thực hiện thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

e) Song song với việc lập BCNCKT, chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường (chủ đầu tư cần làm rõ nguồn gốc đất để xem xét có thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường theo Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường; đối với dự án xây dựng trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự địa phương không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường).

9. Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra BCNCKT, BCKTKT hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định.

Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng thực hiện theo hình thức chỉ định thầu theo quy trình chỉ định thầu rút gọn được quy định tại pháp luật về đấu thầu và bắt buộc phải có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

Các bản vẽ được thẩm tra phải được đóng dấu theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

10. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

10.1. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng

Đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc Bộ Tư pháp chủ yếu là nhóm công trình dân dụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, cơ quan chuyên môn về xây dựng là Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực trung ương thẩm định các nội dung theo quy định. Thẩm quyền thẩm định cụ thể như sau:

- Bộ Xây dựng thẩm định dự án nhóm A¹⁶; dự án nhóm B có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên.

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì thẩm định các dự án nhóm B, C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính tỉnh (trừ dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I và các dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng).

b) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (cơ quan chủ trì thẩm định)

¹⁶ Lưu ý: Hiện nay Bộ Xây dựng đang xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 15/2021/NĐ-CP theo hướng tăng cường phân cấp trong công tác thẩm định. Theo dự thảo Nghị định, Bộ Xây dựng sẽ thẩm định dự án nhóm A, dự án có công trình cấp I và dự án triển khai trên địa bàn 02 tỉnh trở lên. Các dự án còn lại sẽ phân cấp cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thẩm định các dự án, công trình trên địa bàn. Chủ đầu tư lưu ý để thực hiện sau khi Nghị định được ban hành.

- Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp chủ trì thẩm định đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì thẩm định đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

10.2. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Hồ sơ trình thẩm định BCNCKT tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Hồ sơ trình thẩm định BCNCKT tại cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư bao gồm đầy đủ hồ sơ trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định kèm theo Thông báo kết quả thẩm định BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng và các hồ sơ, tài liệu thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

10.3. Đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công chỉ cần lập BCKTKT, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

Hồ sơ trình thẩm định BCKTKT tương tự như hồ sơ trình thẩm định BCNCKT tại mục 9.3 trên.

10.4. Thẩm quyền quyết định đầu tư

Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công và thực hiện theo quy định về phân cấp và ủy quyền của Bộ Tư pháp.

Hiện nay, theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2024 của Bộ Tư pháp quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công thuộc Bộ Tư pháp:

- Bộ trưởng quyết định đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước;

- Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách đơn vị quyết định đầu tư dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, trừ các dự án đã phân cấp cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

- Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định đầu tư các dự án khối cơ quan Thi hành án dân sự có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc Bộ Tư pháp.

10.5. Điều chỉnh dự án đầu tư

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công được điều chỉnh theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật Xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 và khoản 64 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định BCNCKT điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền, trình tự thẩm định BCNCKT điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thực hiện theo hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự thẩm định BCNCKT tại điểm 10 trên.

11. Lựa chọn tổ chức quản lý dự án

11.1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, người quyết định đầu tư lựa chọn hình thức quản lý dự án quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, cụ thể như sau:

11.2. Trên cơ sở điều kiện thực tiễn đặc thù của chủ đầu tư dự án thuộc Bộ Tư pháp hầu hết là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Cục Thi hành án dân sự địa phương được giao là chủ đầu tư nhưng không có bộ máy có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, đầu tư công và các quy định pháp luật, hoạt động quản lý dự án của các dự án giai đoạn 2021-2025 thuộc Bộ Tư pháp áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án. Theo đó, chủ đầu tư đặc biệt lưu ý một số nội dung sau:

a) Tổ chức tư vấn quản lý dự án được lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Quy trình lựa chọn nhà thầu (lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng) được thực hiện sau khi dự án được quyết định đầu tư cùng với một số gói thầu tư vấn liên quan đến bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

b) Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng tư vấn quản lý dự án với tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định

của pháp luật xây dựng để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ công việc quản lý dự án. Chủ đầu tư cần phân chia, xác định rõ phạm vi công việc thuê tư vấn quản lý dự án làm cơ sở xác định dự toán gói thầu tư vấn quản lý dự án trước khi lựa chọn nhà thầu.

c) Hợp đồng quản lý dự án là căn cứ pháp lý quan trọng để quy định quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên. Việc soạn thảo, thương thảo và ký kết hợp đồng phải đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ nội dung, theo quy định của pháp luật. Các cán bộ tham gia công tác quản lý dự án phải đảm bảo các điều kiện về năng lực chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật (được hướng dẫn chi tiết tại mục 16 dưới đây). Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát công việc tư vấn quản lý dự án và chịu trách nhiệm đối với quá trình triển khai, thực hiện dự án. Đơn vị tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm lập đề cương quản lý dự án trình chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung của hợp đồng quản lý dự án.

c) Tổ chức tư vấn quản lý dự án được lựa chọn phải có văn bản thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện và bộ máy trực tiếp quản lý dự án gửi chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan. Nhân sự tham gia quản lý dự án của tổ chức tư vấn phải có trình độ chuyên môn và năng lực, kinh nghiệm phù hợp với nhiệm vụ được giao.

12. Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng (nếu có); giao đất, cấp đất

Việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng và thực hiện các thủ tục giao đất, cấp đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

13. Khảo sát xây dựng giai đoạn thực hiện dự án

Trường hợp dự án cần phải thực hiện việc khảo sát xây dựng giai đoạn thực hiện dự án, chủ đầu tư thực hiện theo quy trình, thủ tục hướng dẫn tại điểm 7 trên.

14. Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thiết kế 2 bước)

14.1. Lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

a) Đơn vị tư vấn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Quy trình lựa chọn nhà thầu (lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng) được thực hiện sau khi dự án được quyết định đầu tư.

b) Hợp đồng thiết kế xây dựng là căn cứ pháp lý quan trọng để quy định quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên. Việc soạn thảo, thương thảo và ký kết hợp đồng phải đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ nội dung, theo quy định của pháp luật. Các cán bộ tham gia công tác quản lý dự án phải đảm bảo các điều kiện về năng lực chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật (được hướng dẫn chi tiết tại mục 16 dưới đây).

c) Quá trình triển khai triển khai thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở cần bám sát thiết kế cơ sở được phê duyệt; các khuyến cáo, lưu ý của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư tại kết quả thẩm định BCNCKT.

d) Việc lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở cần lưu ý:

- Yêu cầu đối với thiết kế xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Xây dựng;

- Nội dung chủ yếu của thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo Điều 80 Luật Xây dựng;

- Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng và quy định về chỉ dẫn kỹ thuật thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Trong quá trình triển bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công) song song với quá trình thẩm tra, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bộ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình về cơ quan chuyên môn trực thuộc người Quyết định đầu tư để xem xét, theo dõi, quản lý. Trường hợp dự án có nội dung cần phải xin ý kiến cấp quyết định đầu tư (như vượt tổng mức đầu tư; điều chỉnh phẩm cấp vật liệu; điều chỉnh giải pháp thiết kế; thay đổi thông số chi tiết,...), Chủ đầu tư báo cáo và gửi đầy đủ các hồ sơ liên quan về cấp quyết định đầu tư để có ý kiến trước khi hoàn thiện thiết kế bản vẽ thi công và tổ chức thẩm tra, thẩm định theo quy định.

14.2. Thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định. Như vậy, các công trình trụ sở thuộc Bộ Tư pháp từ cấp III trở lên thuộc đối tượng phải được tổ chức, cá nhân có

đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.

Do chủ đầu tư dự án thuộc Bộ Tư pháp hoạt động kiêm nhiệm, không có chuyên môn về xây dựng. Vì vậy, chủ đầu tư dự án cần thuê tổ chức thẩm tra toàn bộ nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình phục vụ cho việc thẩm định. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn để thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Nội dung Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Các bản vẽ được thẩm tra phải được đóng dấu theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

14.3. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

a) Thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng:

- Đầu mỗi thẩm định: Thực hiện theo hướng dẫn tại mục 10.1 nói trên.
- Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

b) Thẩm định của chủ đầu tư

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở quy định tại khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn bản của các cơ quan tổ chức có liên quan để làm cơ sở phê duyệt thiết kế.
- Việc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được thực hiện với toàn bộ các công trình hoặc từng công trình của dự án hoặc bộ phận công trình

theo giai đoạn thi công công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung, cơ sở tính toán trong các kết quả thẩm định.

14.4. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công)

- Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở quy định tại khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của chủ đầu tư được thể hiện tại Quyết định phê duyệt gồm các nội dung quy định tại Điều 40 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Mẫu Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Người phê duyệt thiết kế xây dựng đóng dấu, ký xác nhận trực tiếp vào hồ sơ thiết kế xây dựng được phê duyệt (gồm thuyết minh và bản vẽ thiết kế). Mẫu dấu phê duyệt thiết kế xây dựng quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

14.5. Điều chỉnh thiết kế xây dựng

- Thiết kế xây dựng đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền thực hiện việc thẩm định thiết kế xây dựng điều chỉnh đối với các trường hợp:

+ Điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

+ Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế cơ sở.

Đối với các trường hợp còn lại chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở phê duyệt.

- Việc điều chỉnh dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-Cp ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Hồ sơ trình thẩm định thiết kế công trình điều chỉnh thực hiện theo khoản 5 Điều 39 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

15. Quản lý hoạt động đấu thầu giai đoạn thực hiện dự án

Việc triển khai hoạt động đấu thầu phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu, xây dựng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các quy định pháp luật khác có liên quan.

15.1. Lập, trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Lập, trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Đấu thầu.

- Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu.

- Hồ sơ trình duyệt kế hoạch thực hiện theo khoản 1 Điều 40 Luật Đấu thầu. Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Mẫu 02A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT.

- Đối với các dự án thực hiện thiết kế 02 bước, để thuận tiện cho việc quản lý, kiểm soát tiến độ thực hiện thông thường kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện đầu tư dự án được lập gồm các loại sau:

+ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu tư vấn giai đoạn thực hiện dự án (chủ yếu gói thầu tư vấn quản lý dự án và các gói thầu liên quan đến công tác thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở).

+ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu còn lại giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng (cho tất cả các gói thầu còn lại)

b) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Mẫu 02B, 02C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT.

c) Điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình, thẩm định, phê duyệt lại cho phần công việc đã được phê duyệt trước đó. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng có thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

15.2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

a) Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Đấu thầu.

b) Nội dung hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Đấu thầu. Quá trình thực hiện chủ đầu tư lưu ý:

- Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp hồ sơ mời thầu có các nội dung vi phạm quy định trên thì các nội dung này sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Chủ đầu tư cần nghiên cứu kỹ các nội dung cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư lưu ý trong Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện theo quy định.

c) Lựa chọn nhà thầu qua mạng: Đối với các gói thầu thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của Bộ Tư pháp thuộc đối tượng phải thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Áp dụng các mẫu hồ sơ và phụ lục: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 8 Điều 4 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT.

- Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 24/2023/NĐ-CP.

- Việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Xử lý tình huống và giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 88,89,90,91,92,93,94 Luật Đấu thầu và quy định tại Điều 131 Nghị định số 24/2023/NĐ-CP.

đ) Kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu và xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 86, 87 Luật Đấu thầu và quy định tại Chương IX Nghị định số 24/2023/NĐ-CP.

16. Soạn thảo, ký kết và quản lý các hợp đồng (tư vấn, xây lắp, khác)

16.1. Soạn thảo, ký kết hợp đồng xây dựng

Việc soạn thảo, thương thảo và ký kết hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định từ Điều 64 đến Điều 70 Luật Đấu thầu và quy định từ Điều 138 đến Điều 147 Luật Xây dựng và được quy định chi tiết từ Điều 105 đến Điều 113 Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và quy định chi tiết tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Mẫu hợp đồng xây dựng được Bộ Xây dựng công bố kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Quá trình soạn thảo, thương thảo, ký kết hợp đồng, chủ đầu tư cần đặc biệt lưu ý:

- Hợp đồng xây dựng có hiệu lực là cơ sở pháp lý cao nhất mà bên giao thầu, bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện. Hợp đồng xây dựng có hiệu lực là cơ sở pháp lý cao nhất để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp chưa được các bên thỏa thuận trong hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Do vậy, hợp đồng phải thể hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các bên; các điều kiện đảm bảo; phạm vi; khối lượng; tiến độ; chất lượng; thưởng, phạt hợp đồng; điều chỉnh, bổ sung khối lượng, giá hợp đồng; làm rõ ngày ký kết, ngày có hiệu lực của hợp đồng.

- Tiến độ thực hiện hợp đồng phải thể hiện các mốc hoàn thành, bàn giao các công việc, sản phẩm chủ yếu.

- Tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải

có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng. Trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng.

- Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Đối với số lần và thời điểm thanh toán khối lượng hoàn thành chủ đầu tư đặc biệt lưu ý để đảm bảo kết quả giải ngân vốn đầu tư công hàng năm theo kế hoạch giải ngân của dự án, tránh tình trạng tập trung dồn thanh toán khối lượng hoàn vào những tháng cuối năm hoặc tình trạng có khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu nhưng vướng mắc quy định về số lần và thời điểm thanh toán nên không thể thanh toán, giải ngân vốn đầu tư công đã bố trí cho dự án.

16.2. Quản lý hợp đồng xây dựng

- Hồ sơ hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật Xây dựng;

- Quản lý hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định Mục 2 Chương VII Luật Xây dựng; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Hồ sơ hợp đồng xây dựng và hồ sơ thực hiện hợp đồng các gói thầu (các biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu khối lượng; thanh toán hợp đồng; điều chỉnh, bổ sung,...) là căn cứ pháp lý quan trọng cần phải được lưu trữ khoa học làm cơ sở cho việc quyết toán, thanh lý hợp đồng và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành khi kết thúc đầu tư.

17. Chuẩn bị và thi công xây dựng công trình

17.1. Chuẩn bị xây dựng công trình

- Điều kiện khởi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Chủ đầu tư đã gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc.

- Chuẩn bị mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 108 Luật Xây dựng.

- Yêu cầu đối với công trường xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 109 Luật Xây dựng.

Chủ đầu tư lưu ý kiểm tra kỹ diện tích mặt bằng được giao theo các mốc giới ngoài thực địa. Trường hợp phát hiện có sai lệch so với quyết định giao đất (hoặc văn bản giới thiệu/chấp thuận địa điểm) và sai khác so với diện tích đất trong quyết định đầu tư dự án thì phải báo cáo đồng thời cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương và người quyết định đầu tư để kịp thời hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh dự án (nếu cần).

17.2. Thi công xây dựng công trình

Thi công xây dựng công trình thực hiện theo các quy định tại mục 2 Chương IV Luật Xây dựng.

18. Quản lý thi công xây dựng

18.1. Quản lý chất lượng, quản lý khối lượng, quản lý tiến độ, quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng trong thi công xây dựng công trình thực hiện theo các quy định Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

18.2. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ;

18.3. Quản lý các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng thực hiện theo nội dung hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng, cung cấp, lắp đặt thiết bị.

18.4. Việc giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 120, 121, 122 Luật Xây dựng và quy định tại Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

18.5. Giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

18.6. Nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công hoặc nghiệm thu bộ phận xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 21, 22 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

18.7. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

19. Giám sát và đánh giá đầu tư

Việc giám sát và đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

19.1. Trách nhiệm giám sát, đánh giá đầu tư

- Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP;

- Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự là đầu mối tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo phân cấp.

- Cục Kế hoạch - Tài chính là đầu mối tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi Bộ ngành Tư pháp.

19.2. Tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

19.3. Báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

19.4. Chế độ báo cáo trực tuyến về giám sát, đánh giá đầu tư

- Kể từ ngày 01/9/2023, chủ đầu tư dự án đầu tư công phải thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP và quy định tại Mục 2 Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông

tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước. Việc mở tài khoản, quản lý, sử dụng tài khoản thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT.

- Việc cập nhật thông tin, báo cáo trực tuyến của chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT.

20. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng

Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Danh mục hồ sơ hoàn thành thực hiện theo quy định tại Phụ lục VIb kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

21. Bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng

21.1. Việc bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và quy định tại Điều 27 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

21.2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận công trình theo đúng hợp đồng đã ký kết với nhà thầu. Khi bàn giao công trình xây dựng, nhà thầu thi công xây dựng phải giao cho chủ đầu tư các tài liệu gồm bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu cần thiết khác có liên quan.

21.3. Chủ đầu tư tổ chức lập 01 bộ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng công trình khi tổ chức bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng. Việc bàn giao công trình xây dựng phải được lập thành biên bản. Đơn vị quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ này trong suốt quá trình khai thác, sử dụng.

22. Bảo hành công trình xây dựng

22.1. Bảo hành công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại điều 125 Luật Xây dựng và quy định tại Điều 28,29 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

22.2. Bảo hành công trình xây dựng là trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị. Khi phát hiện hư hỏng, khiếm khuyết của công trình thì chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công

trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu việc thực hiện bảo hành của nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị.

22.3. Khi kết thúc thời gian bảo hành, nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu bằng văn bản và hoàn trả tiền bảo hành (hoặc giải tỏa thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng có giá trị tương đương) cho các nhà thầu trong trường hợp kết quả kiểm tra, nghiệm thu việc thực hiện bảo hành của nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị đạt yêu cầu.

23. Quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng

23.1. Quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 147 Luật Xây dựng và quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Thời hạn thực hiện quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

23.2. Việc thanh lý hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 147 Luật Xây dựng và khoản 4 Điều 147 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

24. Lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

24.1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập theo các Biểu mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08/QTDA kèm theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

24.2. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Thời gian tối đa thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

25. Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Kiểm toán Báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Trừ trường hợp cụ thể được người quyết định đầu tư xem xét, quyết định, các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc Bộ Tư pháp quản lý đều phải thực hiện việc kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt. Việc thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán do người quyết định đầu tư quyết định và được thể hiện trong nội dung phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu kiểm toán báo cáo quyết toán.

Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về hợp đồng và nghiệm thu kết quả kiểm toán theo hướng dẫn tại mục 15, 16 nói trên.

26. Trình và thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

26.1. Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư để trình thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

26.2. Cơ quan thẩm tra quyết toán

- Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp chủ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự chủ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tổng Cục trưởng.

26.3. Phê duyệt quyết toán: Người có thẩm quyền quyết định đầu tư là người phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

26.4. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

27. Giải quyết công nợ và tất toán tài khoản tại Kho bạc Nhà nước

Sau khi dự án được người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trường hợp giá trị quyết toán các phần việc, gói thầu, hợp

đồng thấp hơn giá trị chủ đầu tư đã thanh toán cho các đơn vị thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi của các nhà thầu để nộp ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán quá. Trường hợp trường hợp giá trị quyết toán các phần việc, gói thầu, hợp đồng cao hơn giá trị chủ đầu tư đã thanh toán cho các đơn vị thực hiện, ngày sau khi được bố trí kế hoạch vốn, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp phần còn lại cho nhà thầu theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

Sau khi giải quyết xong công nợ của dự án, chủ đầu tư làm thủ tục tất toán tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật và gửi báo cáo kèm tài liệu tất toán tài khoản về người quyết định đầu tư để theo dõi, quản lý và kết thúc quá trình đầu tư dự án.

PHẦN PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ III

I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN

1. Pháp luật về xây dựng

1. Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

2. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

3. Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

4. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

5. Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

6. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

7. Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP;

8. Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

9. Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD;

10. Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

11. Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 17/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng.

2. Pháp luật về đầu tư công

1. Luật đầu tư công năm 2019;

2. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

3. Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

4. Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước;

3. Pháp luật về đấu thầu

1. Luật Đấu thầu 2023;

2. Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

3. Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

4. Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

4. Pháp luật về PCCC

1. Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

2. Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

3. Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

4. Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình; Thông tư số 09/2023/TT-BXD ngày 16/10/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

5. Pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Luật Bảo vệ môi trường 2022;

2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Pháp luật về đất đai

1. Luật Đất đai năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

2. Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

3. Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

4. Và 14 văn bản hướng dẫn Luật Đất đai năm 2024 sẽ được ban hành trong thời gian tới.

7. Pháp luật về quy hoạch, kiến trúc

1. Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

2. Luật Quy hoạch ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

3. Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

4. Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

5. Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

6. Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

7. Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

8. Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

9. Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

10. Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

8. Pháp luật về thanh, quyết toán, bảo hiểm

1. Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

2. Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng

3. Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán

4. Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

5. Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

9. Quy định về kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính

1. Bộ Luật hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi Bộ Luật hình sự;

2. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm;

3. Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

4. Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong về xây dựng.

10. Quy định của Bộ Tư pháp

1. Quyết định 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp.

2. Quyết định 96/QĐ-BTP ngày 20/01/2022 ban hành Quy định cụ thể về quy mô đầu tư xây dựng và các yêu cầu cơ bản đối với phương án thiết kế xây dựng công trình trụ sở làm việc và kho vật chứng cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

II. DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU THAM KHẢO

Mẫu số 01/TTTT: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, C)

Mẫu số 02/TTTT: Tờ trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, C)

Mẫu số 03/TTTT: Mẫu số 05/TTTT: Quyết định thành lập Tổ Công tác.

Mẫu số 04/TTTT: Tờ trình phê duyệt dự toán chuẩn bị dự án.

Mẫu số 05/TTTT: Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị dự án.

Mẫu số 06/TTTT: Tờ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà.

Mẫu số 07/TTTT: Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Mẫu số 08/TTTT: Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Mẫu số 09/TTTT: Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công).

Mẫu số 10/TTTT: Biên bản bàn giao công trình trong trường hợp chủ đầu tư không phải là đơn vị quản lý, sử dụng công trình.

Mẫu số 01/TTTT: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, C)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ TRÌNH

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư

Dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh..

Kính gửi: (Cơ quan quyết định đầu tư dự án)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

Cục Thi hành án dân sự tỉnh.. trình Bộ Tư pháp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.... với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (TP)

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Theo phân cấp của Bộ Tư pháp.

4. Tên chủ đầu tư (nếu có):

5. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn tỉnh (TP)...

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

7. Thời gian thực hiện:

8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

8. Giải pháp tổ chức thực hiện.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh... trình Bộ Tư pháp xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (TP)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục THADS;
- Cục KHTC-BTP;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 02/TTTT Tờ trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TRÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (TP)

Kính gửi: (Cơ quan quyết định đầu tư dự án)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan).

Cục Thi hành án dân sự tỉnh.. trình Bộ Tư pháp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (TP) ... với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (TP) ...

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

4. Cấp quyết định đầu tư dự án:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có):

6. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn tỉnh (TP)...

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

11. Hình thức đầu tư của dự án:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;
3. Hồ sơ về đất đai, biên chế... (nếu có)
4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Cục Thi hành án dân sự tỉnh... trình Bộ Tư pháp xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (TP) /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục THADS;
- Cục KHTC-BTP;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 03:/TTTT : Quyết định thành lập Tổ công tác

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THADS TỈNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CTHADS

....., ngày...tháng.....năm 202..

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ Công tác thực hiện dự án

Dự án: Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh....

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định/QĐ-BTP ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnhvà tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTP ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về giao Chủ đầu tư dự án và chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 các dự án khởi công mới thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTP ngày thángnăm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tư pháp;

Các căn cứ pháp lý khác (nếu có).

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ hoặc Trưởng phòng Tài chính - Kế toán hoặc Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Công tác triển khai dự án Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh....., gồm các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/Bà:.....- Tổ trưởng;
2. Ông/Bà:.....- Tổ phó;
3. Ông/Bà:.....- Thành viên, Thư ký Tổ Công tác;
4. Ông/Bà:.....- Thành viên;
5. Ông/Bà:.....- Thành viên;
6. Ông/Bà:.....- Thành viên;
7. Ông/Bà:.....- Thành viên;

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Tổ Công tác

2.1. Tổ Công tác là đầu mối quản lý, theo dõi và tổ chức công tác triển khai dự án Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh với vai trò, nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật, quy định của Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và các mục tiêu của dự án theo chủ trương đầu tư được Bộ Tư pháp phê duyệt.

2.2. Tổ trưởng có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ đáp ứng yêu cầu công việc.

2.3. Tổ Công tác tự giải thể sau khi Dự án đã hoàn thành và được Bộ Tư pháp phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định.

Điều 3. Tổ Công tác hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, kinh phí hoạt động của Tổ công tác được trích từ nguồn chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán, Chánh Văn phòng Cục và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Tổng cục THADS (để báo cáo);
- Cục Kế hoạch - Tài chính (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP, TCCB, HSDA.

CỤC TRƯỞNG

I. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA TỔ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

- Xây dựng kế hoạch triển khai dự án và tổ chức phân công nhiệm vụ; theo dõi tình hình và tiến độ triển khai dự án; đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai dự án theo đúng tiến độ; kịp thời phát hiện những tồn tại, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án để báo cáo và đề xuất với Cục trưởng có giải pháp xử lý thích hợp, nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công tác chuẩn bị dự án.

- Tổ chức thực hiện các thủ tục xin giới thiệu địa điểm, chấp thuận địa điểm, giao đất, cấp đất...

- Tổ chức lập, thẩm tra, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị dự án trình Cục trưởng phê duyệt theo quy định.

- Tổ chức thực hiện việc mở mã số đơn vị quan hệ ngân sách cho dự án.

- Tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án.

- Tổ chức lựa chọn các đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện các nhiệm vụ giai đoạn chuẩn bị dự án và thương thảo, ký hợp đồng.

- Tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định (kiểm tra) phê duyệt: Nhiệm vụ khảo sát xây dựng; phương án khảo sát xây dựng; Nhiệm vụ thiết kế

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị dự án dự án.

- Thực hiện công tác giám sát triển khai theo hợp đồng đối với các đơn vị tư vấn; phối hợp với nhà thầu tư vấn, các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện các công tác: Khảo sát xây dựng; lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; thẩm tra, thẩm định và trình phê duyệt dự án.

- Thực hiện các công tác khác có liên quan trong quá trình chuẩn bị dự án theo quy định của pháp luật.

II. PHÂN CÔNG

.....

Mẫu số 04:/TTTT: Mẫu Tờ trình phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư
CỤC THADS TỈNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ CÔNG TÁC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTTr-TCT-CBDA , ngày ...tháng.....năm 202..

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Cục trưởng Cục THADS tỉnh

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản
lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định
chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây
dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số /QĐ-CTHADS ngày tháng năm 202.. của Cục
Thi hành án dân sự tỉnh về việc thành lập Tổ Công tác thực hiện dự án.*

Tổ Công tác kính trình Cục trưởng Cục THADS tỉnh xem xét, phê
duyet nhiệm vụ, dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công việc
chuẩn bị dự án dự án Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2022-2025 trên
địa bàn tỉnh trên cơ sở những nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên Dự án: Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa
bàn tỉnh

2. Loại công trình:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Chủ đầu tư:

5. Địa điểm đầu tư: Trên địa bàn tỉnh

6. Tổng mức đầu tư: đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước.
8. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 20..... - 20.....
9. Mục tiêu đầu tư:
10. Các nội dung dự kiến thực hiện và quy mô đầu tư xây dựng
 - + Xây dựng Chi cục THADS huyện, tỉnh
 - + Xây dựng Trụ sở làm việc tầng, tổng diện tích sànm².
 - + Xây dựng kho vật chứng tầng, diện tíchm².
 - + Xây dựng Nhà bảo vệ tầng, diện tíchm².
 - + Xây dựng nhà để xe tầng, diện tíchm².
 - + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Cổng chính, cổng phụ; Tường rào; kè đá; Sân đường nội bộ; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà; Thông tin liên lạc; hệ thống PCCC, chống mối; Cây xanh cảnh quan; Trang thiết bị đồng bộ,....

II. DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

Quyết định...../QĐ-BTP ngàytháng..... năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và tỉnh”;

Tờ trình số.../TTr-TLDA ngày...tháng năm 2022 của Tổ công tác về việc trình phê duyệt Dự toán chi phí chuẩn bị dự án Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và tỉnh

2. Hồ sơ dự toán chuẩn bị dự án

Chi tiết Hồ sơ đính kèm Tờ trình

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án đề nghị thẩm định với giá trị: đồng (Bằng chữ:), trong đó:

STT	Nội dung/khoản mục chi phí	Đm tỷ lệ (%)	Hệ số	Diễn giải cách tính	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
	Chi phí xây dựng + Thiết bị					
	DỰ TOÁN CHI PHÍ CBDA					
I	Chi phí quản lý dự án (giai đoạn chuẩn bị dự án)					G_{QLDA}
II	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng					G_{TV}
1	Chi phí khảo sát địa hình					
2	Chi phí khảo sát địa chất					

STT	Nội dung/khoản mục chi phí	Đm tỷ lệ (%)	Hệ số	Diễn giải cách tính	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng					
4	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng					
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi					
6	Chi phí lập nhiệm vụ thiết kế					
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát (nếu có)					
8	Chi phí lập Quy hoạch tổng mặt bằng (hoặc quy hoạch chi tiết)					
9	Chi phí lập HSMT, phân tích đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn (nếu có)					
10	Chi phí thẩm định nội dung HSMT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn (nếu có)					
11	Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường					
12	Chi phí kiểm định chất lượng công trình cũ (trường hợp công trình cải tạo, mở rộng)					
III	Chi phí khác					GK
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng					
2	Các chi phí chuẩn bị dự án khác					
3	Chi phí dự phòng					
	TỔNG CỘNG (I+II+III)					

IV. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những nội dung trên, Tổ Công tác kính đề nghị Cục trưởng Cục THADS tỉnh xem xét, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và tỉnh để có triển khai các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu: VT, HC(02). Tr07.

TỔ TRƯỞNG

DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Căn cứ Quyết định số /QĐ-CTHADS ngày tháng năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh về việc thành lập Tổ công tác triển khai dự án;	Bản chụp
2	Quyết định/QĐ-BTP ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh”;	Bản chụp
3	

Mẫu số 05:/TTTT: Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THADS TỈNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-CTHADS

....., ngày...tháng.....năm 202..

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự toán chi phí chuẩn bị dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh”**

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định/QĐ-BTP ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh”;

Theo đề nghị của Tổ Công tác tại Tờ trình số/TTr-TGVCBĐT ngày tháng năm 2022 và Báo cáo thẩm định số/..... ngày tháng năm 2022 của về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án “Đầu tư Trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh” với tổng giá trị dự toán là đồng (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Tổ Công tác và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo của dự án và thực hiện quản lý chi phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Tổ Công tác và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;

-

- Lưu:

CỤC TRƯỞNG

.....

Mẫu số 06/TTTT: Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

[ĐƠN VỊ TRÌNH¹⁷]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án, dự toán mua sắm: ____ [tên dự án, dự toán mua sắm]

Kính gửi: ____ [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu¹⁸]

[Đơn vị trình] trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm

1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án
- Tổng mức đầu tư¹⁹
- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho

¹⁷ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu, trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là chủ đầu tư; trường hợp chủ đầu tư (bao gồm cả trường hợp được người có thẩm quyền ủy quyền) hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án quy định.

¹⁸ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu.

¹⁹ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”.

các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;

b) Giá trị phân công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách;

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm;

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí nêu tại điểm a khoản này trừ kinh phí nêu tại điểm b và điểm c khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm như trên. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ __[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023];

Căn cứ __[Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15].

III. Phần công việc đã thực hiện⁽¹⁾

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁵⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng, ... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾:

Bảng số 3

Stt	Tên chủ đầu tư ⁽²⁾	Tên gói thầu ⁽³⁾		Giá gói thầu ⁽⁴⁾	Nguồn vốn ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁶⁾	Phương thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁷⁾	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁸⁾	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁹⁾	Loại hợp đồng ⁽¹⁰⁾	Thời gian thực hiện gói thầu ⁽¹¹⁾	Tùy chọn mua thêm ⁽¹²⁾	Giám sát hoạt động đấu thầu ⁽¹³⁾
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1													
2													
Tổng giá gói thầu													
<i>[kết chuyển sang Bảng số 5]</i>													

Ghi chú:

(1) *Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.*

(2) *Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.*

(3) *Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.*

Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(4) *Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

(5) *Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

(6) *Hình thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu.*

Đối với gói thầu quy định tại các điểm a, b, c và m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.

(7) *Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với: gói thầu có đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp); gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.*

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, đàm phán giá, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng thì không ghi nội dung này.

(8) *Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định. Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.*

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định).

(9) *Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

(10) *Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.*

(11) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

(12) Tùy chọn mua thêm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(13) Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu, ghi rõ “không đề xuất”.

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___ [giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

g) Loại hợp đồng;

h) Thời gian thực hiện gói thầu;

i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);

l) Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VII. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		<i>[ghi giá trị]</i>

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [đơn vị trình] đề nghị ___[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: ___[ghi tên dự án, dự toán mua sắm].

Kính trình [người phê duyệt] xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị thẩm định;
- Lưu VT.

DANH MỤC TÀI LIỆU*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

STT	Nội dung	Ghi chú
I	Đối với dự án	
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu có liên quan. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án là quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
3	<i>Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>	<i>Bản chụp</i>
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.</i>	<i>Bản chụp</i>
5	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.</i>	<i>Bản chụp</i>
6	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	

Mẫu số 07/TTTT: Mẫu Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
[ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu²⁰]

Trên cơ sở Tờ trình của _____ [đơn vị trình] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [đơn vị thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm] từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định].

2. Thông tin cơ bản

2.1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án

- Tổng mức đầu tư²¹;

- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

²⁰ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu.

²¹ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”

2.2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

- Chủ đầu tư;
- Giá trị dự toán mua sắm;
- Năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

3. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của đơn vị trình, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: ___ [ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___ [ghi giá trị];
- đ) Tổng giá trị các phần công việc: ___ [bằng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d Mục này];
- e) Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: ___ [ghi giá trị].

4. Tổ chức thẩm định:

a) Đơn vị thẩm định

Đơn vị thẩm định là: ___ [ghi rõ tên đơn vị, phòng, ban thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc tên đơn vị tư vấn đấu thầu được thuê theo hợp đồng].

b) Cách thức làm việc

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của đơn vị thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
I	Đối với dự án		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu có liên quan. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án là quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.</i>		
2	<i>Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>		
3	<i>Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>		
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu</i>		
5	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu</i>		
6	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>		

Ghi chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày, thẩm quyền ban hành và trích yếu của văn bản.
 - Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản tại cột (1) mà đơn vị thẩm định nhận được.
 - Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản tại cột (1) mà đơn vị thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).
- b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: ___[căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

[Đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.]

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:
- Phần công việc đã thực hiện: ___[đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây];
 - Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___[đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu];

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): [đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu].

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
	(1)	(2)	(3)
1	Tên gói thầu, bao gồm cả nội dung công việc chính của gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức lựa chọn nhà thầu		
5	Phương thức lựa chọn nhà thầu		
6	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu		
7	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		
8	Loại hợp đồng		
9	Thời gian thực hiện gói thầu		
10	Tùy chọn mua thêm		
11	Giám sát hoạt động đấu thầu		

Ghi chú:

- **Cột số (2):** đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án, dự toán mua sắm.

- **Cột số (3):** đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án, dự toán mua sắm. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự án, dự toán mua sắm kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.

- Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: [căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, đơn vị thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế

hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự án, dự toán mua sắm và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: ___[kiểm tra tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) và giá trị các gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà chưa ký hợp đồng không được vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đồng thời nêu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp].

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, đơn vị thẩm định có ý kiến đối với việc người có thẩm quyền cử cá nhân, đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu.

2. Kiến nghị

a) Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì đơn vị thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ___[chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ___[đơn vị thẩm định] đề nghị ___[người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm ___[ghi tên dự án, dự toán mua sắm].

- Cử cá nhân, đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu đối với gói thầu: ___[ghi tên gói thầu] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm việc thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu có).

b) Trường hợp đơn vị thẩm định không thống nhất với đề nghị của đơn vị trình thì cần đề xuất biện pháp giải quyết để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị trình;
- Lưu VT.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Mẫu số 08/TTTT: Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

[CƠ QUAN CỦA NGƯỜI
PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
LỰA CHỌN NHÀ THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án, dự toán mua sắm: _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm]

_____[NGƯỜI PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU]²²

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày _____ [ghi ngày, tháng, năm] của _____ [đơn vị thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm];

Theo đề nghị của _____ [đơn vị trình] tại tờ trình số _____ [ghi số hiệu tờ trình] ngày _____ [ghi ngày văn bản] về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. [Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao trách nhiệm lựa chọn nhà thầu] chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

²² Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu mà thuộc hạn mức chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, chủ đầu tư (hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư) phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu này, bao gồm hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn.

[Cá nhân, đơn vị giám sát hoạt động đấu thầu] chịu trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. [Người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao trách nhiệm lựa chọn nhà thầu] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

[NGƯỜI PHÊ DUYỆT
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU]
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ ÁN

[ghi tên dự án]

(Kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ___)

Stt	Tên chủ đầu tư ²³	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1													
2													
Tổng giá gói thầu													

²³ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án chưa xác định được chủ đầu tư thì thay bằng “Tên đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án”

Mẫu số 09/TTTT: Mẫu Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THADS TỈNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CTHADS

....., ngày...tháng.....năm 202..

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công)

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... và Thông báo kết quả thẩm định số... ngày... tháng... năm ... của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt:
2. Tên công trình hoặc bộ phận công trình:
3. Tên dự án:
4. Loại, cấp công trình:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:

11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí;
12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;
13. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 10/TTTT: Biên bản bàn giao đưa công trình, dự án hoàn thành vào khai thác sử dụng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BIÊN BẢN BÀN GIAO

ĐƯA CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀO KHAI THÁC SỬ DỤNG

1. Tên Dự án:.....

2. Tên công trình:

3. Địa điểm xây dựng:

4. Tổng mức đầu tư của dự án:.....

5. Giá trị Dự toán công trình (giá trị quyết toán) :.....

6. Thành phần tham gia

6.1. Đại diện Chủ đầu tư dự án:

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

6.2. Đại diện đơn vị quản lý, sử dụng công trình

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

6.3. Đại diện đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) (đơn vị thi công).

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

Ông/bà: Chức vụ:

7. Cơ sở pháp lý để thực hiện việc bàn giao

- Quyết định phê duyệt dự án.

- Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.

- Văn bản nghiệm thu PCCC (nếu có) ; thông báo kết quả kiểm tra công tác

nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng đã được các bên liên quan: Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị tư vấn thiết kế và Nhà thầu thi công ký, đóng dấu theo quy định của pháp luật xây dựng.

- Các Văn bản pháp lý khác.

8. Thời gian và địa điểm bàn giao

- Thời gian:

Bắt đầu: ngày tháng năm

Kết thúc: ngày tháng năm

- Địa điểm bàn giao:

9. Nội dung bàn giao

10.1. Bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư:

a) Trụ sở làm việc:

b) Kho vật chứng:

c) Nhà xe máy, ga ra ô tô:

d) Nhà trực bảo vệ:

e) Cổng và hàng rào:

g) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, bao gồm: Sân, đường nội bộ bằng bê tông, cây xanh, hệ thống cấp điện, cấp và thoát nước ngoài nhà, bể nước và hệ thống PCCC, thông tin liên lạc ngoài nhà.....

10.2. Bàn giao hồ sơ phục vụ công tác quản lý, vận hành và bảo trì

01 bộ hồ sơ phục vụ công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Danh mục hồ sơ chi tiết theo **Phụ lục** đính kèm.

10.3. Nội dung thống nhất

1. Chủ đầu tư đã kết thúc giai đoạn thực hiện dự án tiến hành bàn giao công trình cho Cục/Chi cục Thi hành án dân sự (đơn vị sử dụng) để đưa vào quản lý, vận hành, sử dụng theo quy định. Chủ đầu tư và các bên có liên quan trong quá trình thực hiện dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và phù hợp của các tài liệu trong hồ sơ hoàn thành công trình

2. Cục/Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện tiếp nhận và có trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng công trình đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thực hiện việc hạch toán kế toán

đối với giá trị tài sản tạm tính được bàn giao là: đồng. Giá trị sổ sách sẽ được cập nhật, điều chỉnh sau khi Dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định.

3. Sau khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp 01 bản Quyết định phê duyệt cho Cục THADS tỉnh Bình Dương để thực hiện việc điều chỉnh sổ sách đối với giá trị tài sản bàn giao.

4. Trong quá trình đưa vào khai thác, sử dụng nếu có những hư hỏng, khiếm khuyết xảy ra đối với công trình, thiết bị công trình không do lỗi của đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng thì Chủ đầu tư sẽ có trách nhiệm yêu cầu các đơn vị có liên quan thực hiện công tác bảo hành công trình theo quy định của pháp luật xây dựng.

10.4. Các vấn đề còn tồn tại thời điểm bàn giao

.....
.....
.....

11. Kết luận

Các bên thống nhất các nội dung của Biên bản bàn giao nêu trên.

Biên bản được đọc và các bên nhất trí thông qua, Biên bản được lập thành ...bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SỬ DỤNG

NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY LẮP CHÍNH (nếu cần thiết)